

Số: 2/2/QĐ-BV199-KD

Đà Nẵng, ngày 21 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng
Gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;

Căn cứ Thông tư số 35/2021/TT-BCA ngày 06/05/2025 của Bộ Công an quy định về đầu tư, mua sắm trong Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 11/QĐ-BV199-KD ngày 09/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 12/QĐ-BV199-KD ngày 09/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-BV199-KD ngày 21/01/2026 của Giám đốc Bệnh viện 199 về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026 thuộc dự toán Mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026.

Căn cứ Báo cáo đánh giá E-HSDT số 09 /BC-TCG ngày 06/04/2026 của Tổ chuyên gia về việc đánh giá E-HSDT gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;



Căn cứ Báo cáo thẩm định số 10 /BC-TTĐ ngày 17/04/2026 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình thuộc dự toán mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026;

Xét đề nghị của Tổ chuyên gia.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm hóa chất, vật tư y tế sử dụng tại Bệnh viện 199 năm 2026, bao gồm:

1. Thông tin về gói thầu:

- Số E-TBMT: IB2600017553
- Tên gói thầu: Gói thầu số 3: Dụng cụ phẫu thuật nội soi các khớp và chấn thương chỉnh hình
- Giá gói thầu: : **71.505.375.000 đồng** (Bảy mươi một tỷ, năm trăm lẻ năm triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)
- Tên Chủ đầu tư: Bệnh viện 199 - Bộ Công an
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, qua mạng
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 12 tháng

2. Thông tin về nhà thầu trúng thầu: Theo phụ lục 1 đính kèm

3. Thông tin về nhà thầu không trúng thầu: Theo phụ lục 2 đính kèm

4. Thông tin về hàng hóa trúng thầu: Theo phụ lục 3 đính kèm

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Khoa Dược, phòng Tài chính - Kế toán căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này, tiến hành tổ chức hoàn thiện hợp đồng.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng khoa Dược, Trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch tổng hợp, các trưởng khoa phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban Giám đốc (Để báo cáo);
- Lưu: VT, TCKT, KD (Tĩnh 03 bản)

GIÁM ĐỐC

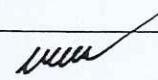


PGS.TS Hoàng Thanh Tuyền

PHỤ LỤC 1
THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU TRÚNG THẦU
(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ-BV199-KD ngày 21 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
1	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC	0101950939	182.490.000	182.490.000	182.490.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
2	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U	0401321018	153.450.000	153.450.000	153.450.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
3	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI VÀ ĐẦU TƯ PATCO	0104856349	240.000.000	240.000.000	240.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
4	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC	0102921627	432.600.000	432.600.000	432.600.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
5	CÔNG TY CỔ PHẦN MEDITRONIC	0101421276	519.000.000	519.000.000	519.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
6	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL	0401791380	108.500.000	108.500.000	108.500.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
7	CÔNG TY CỔ PHẦN TM VIỆT CƯỜNG	0108784046	580.000.000	580.000.000	580.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
8	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN KHẢI CA	0401419711	1.155.500.000	1.155.500.000	1.155.500.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
9	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN	0102921627	1.201.725.000	1.201.725.000	1.201.725.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
10	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM	0401736580	298.160.000	298.160.000	298.160.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
11	CÔNG TY TNHH XUÂN VY	0303669801	1.363.300.000	1.363.300.000	1.363.300.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	




STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
12	CÔNG TY CP DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NAM HÀ	0700852031	1.690.000.000	1.690.000.000	1.690.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
13	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG	0303649788	2.341.650.000	2.341.650.000	2.341.650.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
14	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ IMD	0316574096	2.550.000.000	2.550.000.000	2.550.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
15	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG	0303445745	2.652.300.000	2.652.300.000	2.652.300.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
16	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM	0108800386	8.085.000.000	8.085.000.000	8.085.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	



Handwritten signature

Handwritten signature

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
17	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ	0101147344	8.362.200.000	8.362.200.000	8.362.200.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
18	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE	0107898996	8.754.500.000	8.754.500.000	8.754.500.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
19	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING	0102255092	9.451.400.000	9.451.400.000	9.451.400.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
20	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	0302204137	1.680.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	
21	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG	0312894426	6.134.080.000	6.134.080.000	6.134.080.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

Handwritten signature

Handwritten mark

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Giá dự thầu (đồng)	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), giảm giá (nếu có)	Giá trúng thầu (đồng)	Thời gian thực hiện gói thầu	Thời gian thực hiện hợp đồng	Các nội dung khác (nếu có)
22	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM	0314972937	11.486.000.000	11.486.000.000	11.486.000.000	12 tháng	365 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

GIÁM ĐỐC



PGS TS Hoàng Thanh Tuyên



PHỤ LỤC 2

THÔNG TIN VỀ NHÀ THẦU KHÔNG TRÚNG THẦU

(Kèm theo Quyết định số: 212 /QĐ-BV199-KD ngày 21 tháng 4 năm 2026)

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
1	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC - THIẾT BỊ Y TẾ ĐÀ NẴNG	0400101404	PP2600017259	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017261	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017262	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017263	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
2	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING	0102255092	PP2600017228	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
3	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG	0312894426	PP2600017222	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017226	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017227	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

Handwritten signature

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017228	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017229	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017234	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
4	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U	0401321018	PP2600017219	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017252	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017319	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017217	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017218	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017330	Xếp hạng thứ 3
5	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL	0401791380	PP2600017299	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017300	Tiêu chí chất lượng, Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
6		0314972937	PP2600017221	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM		PP2600017223	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017224	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017226	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017228	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017229	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017266	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017271	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017272	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017275	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017279	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017288	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017294	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017297	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT



Handwritten signature

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017298	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
7	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM	0401736580	PP2600017213	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017219	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017250	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017310	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017311	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017312	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017313	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017314	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017315	Thông số kỹ thuật không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017214	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017215	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017216	Xếp hạng thứ 2
8	CÔNG TY TNHH TRẠNG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S	0302204137	PP2600017221	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017223	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017226	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017229	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017233	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017271	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017284	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017298	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017224	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017274	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017276	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
			PP2600017279	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT




STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017281	Thông số kỹ thuật, catalog không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
9	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ SONG HIỀN ME	0315530593	PP2600017331	Vượt giá kế hoạch
			PP2600017332	Vượt giá kế hoạch
			PP2600017333	Vượt giá kế hoạch
			PP2600017334	Vượt giá kế hoạch
			PP2600017335	Vượt giá kế hoạch
			PP2600017336	Vượt giá kế hoạch
10	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG	0303445745	PP2600017330	Xếp hạng thứ 2
11	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ TVT	0313296806	PP2600017258	Xếp hạng thứ 2
			PP2600017261	Xếp hạng thứ 2

STT	Tên nhà thầu	Mã số thuế	Phần/lô nhà thầu tham dự	Lý do nhà thầu không trúng thầu
			PP2600017263	Xếp hạng thứ 2



GIÁM ĐỐC

PGS TS Hoàng Thanh Tuyền



1950-1951

1950-1951

1950-1951

1950-1951

1950-1951

1950-1951

1950-1951

1950-1951



1950-1951



PHỤ LỤC 3
THÔNG TIN VỀ HÀNG HÓA TRÚNG THẦU
GÓI THẦU SỐ 3: DỤNG CỤ PHẪU THUẬT NỘI SOI CÁC KHỚP VÀ CHÂN THƯƠNG CHÍNH HÌNH
(Kèm theo Quyết định số 212/QĐ-BV199-KD ngày 21 tháng 4 năm 2026)

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
1	PP26000 17211	Vít xương xóp 4.0mm ren bán phần	4.0 mm Vít xương xóp ren bán phần	IMA-40CES030 IMA-40CES035 IMA-40CES040 IMA-40CES045 IMA-40CES050 IMA-40CES055 IMA-40CES060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít xương xóp ren bán phần tự taro 4.0 mm: - Chiều dài vít từ 30 - 60 mm, bước ren tăng 5 mm - Đường kính ngoài 4.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	50	400.000	20.000.000	N07.06.040.097 2.000.0016.(001-007)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
2	PP26000 17212	Vít xương xóp 6.5mm ren 16mm	6.5 mm Vít xương xóp ren 16 mm	IMA-65C16025 IMA-65C16030 IMA-65C16035 IMA-65C16040 IMA-65C16045 IMA-65C16050 IMA-65C16055 IMA-65C16060 IMA-65C16065 IMA-65C16070 IMA-65C16075 IMA-65C16080 IMA-65C16085 IMA-65C16090 IMA-65C16095 IMA-65C16100	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít xương xóp ren 16 mm: - Chiều dài vít từ 25 - 100 mm bước tăng 5 mm - Đường kính ngoài 6.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 3.1 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Tương thích với bộ trợ cụ đi kèm - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	50	520.000	26.000.000	N07.06.040.097 2.000.0017.(001-016)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
3	PP26000 17213	Chỉ Thép Cuộn	Chỉ thép	Binding Wire (S5011010xx)	2025 trở về sau	Suzhou Gemmed Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính từ khoảng 0.2 mm -2.0mm - Chiều dài 10m	Bì 1 cái	Cái	50	525.000	26.250.000		N05.02.070	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
4	PP26000 17214	Đinh Kít-ne các cỡ, dài 310mm, một đầu nhọn	Đinh Kirschner	KSZ (S4040xxxxxxx)	2025 trở về sau	Suzhou Gemmed Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính từ 1.2mm - 3.0mm - Dài 310mm, một đầu nhọn, một đầu tròn. - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bì 10 cái	Cái	200	45.000	9.000.000		N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
5	PP26000 17215	Vít xoắn 6,5mm, ren 22mm đến 32 mm dài các cỡ (từ 32mm->90mm)	Vít xương xoắn 6.5	HBJZ(Q)04 (S20300465xxx)	2025 trở về sau	Suzhou Gemmed Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính vít 6.5 mm - Chiều dài từ 30mm - 90mm, đoạn ren 16mm - 32mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bì 10 cái	Cái	50	95.000	4.750.000		N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
6	PP26000 17216	Vít xương cứng đường kính 3.5mm dài các cỡ (từ 16mm->40mm)	Vít xương cứng 3.5	HJZ(Q)03 (S20300135xxx)	2025 trở về sau	Suzhou Gemmed Medical Instrument Co., Ltd	Trung Quốc	- Chất liệu thép không gỉ - Đường kính vít 3.5 mm - Chiều dài từ 16mm - 40mm - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Bì 10 cái	Cái	50	45.000	2.250.000		N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
7	PP26000 17217	Nẹp lòng máng 1/3, 6->8lỗ, dùng vít 3.5	Nẹp lòng máng 1/3rd - Chắt thép	73-1-6, 73-1-8	Từ năm 2025 trở về sau	Pakistan	Orthon Innovations	- Chất liệu thép không gỉ - Dây 1.0mm, rộng 9.0mm - Khoảng cách các lỗ 12.0mm/16.0mm - Nẹp 6/8 lỗ, dài tương ứng 73mm-97mm - Sử dụng vít đường kính 3.5mm	1 cái/túi	Cái	10	359.000	3.590.000	N07.06.040.508 3.234.0293		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
8	PP26000 17218	Nẹp mắt xích (nẹp tái tạo) các cỡ; (6 lỗ; 8 lỗ; 10 lỗ; 12 lỗ; 14 lỗ; 16 lỗ), dùng vít 3.5 mm	Nẹp tái tạo (mắt xích) thẳng 3.5mm - chắt thép	78-1-6, 78-1-7, 78-1-8, 78-1-9, 78-1-10, 78-1-11, 78-1-12, 78-1-13, 78-1-14	Từ năm 2025 trở về sau	Pakistan	Orthon Innovations	- Chất liệu thép không gỉ - Nẹp mắt xích (tái tạo) có 6-14 lỗ - Dây 2.8mm, rộng 10.0mm - Khoảng cách các lỗ 12.0mm - Sử dụng vít đường kính 3.5mm	1 cái/túi	Cái	5	599.000	2.995.000	N07.06.040.508 3.234.0283		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
9	PP26000 17220	Lưới bảo xương ngược chiều dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng nông	Lưới bảo xương ngược chiều dùng trong nội soi khớp các cỡ, rỗng nông ACUFEX TRUNAV	72204037; 72204038; 72204039; 72204040; 72204041; 72204042; 72204043; 72204044; 72204045; 72204046; 72204047; 72204048; 72204049; 72204050	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Smith & Nephew Inc., Endoscopy Division	Lưới bảo xương ngược chiều sử dụng trong kỹ thuật tái tạo dây chằng chéo All-inside. Một hộp bao gồm Lưới bảo xương ngược chiều, mũi khoan dẫn đường 2.4mm và cây rút chỉ. Khoan tiến tạo đường hầm đường kính 4.9mm. Lưới cắt có thể thu vào, bảo ngược tạo đường hầm đường kính từ 5.5mm - 12mm, bước tăng 0.5mm. Có ống đo chiều dài cầu xương. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	300	5.000.000	1.500.000.000	N05.03.060.388 4.175.0004		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
10	PP26000 17221	Lưới bảo (mài) xương các cỡ, cửa sổ mài rộng, thiết kế rộng nòng DYONICS	Lưới bảo (mài) xương dùng trong nội soi khớp, các loại	72200724; 72200725	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Smith & Nephew Inc., Endoscopy Division	Lưới bảo xương thẳng sử dụng trong nội soi khớp, có vạch màu chốt, mã màu theo cỡ để nhận diện, đã tiết trùng. Đường kính gồm các cỡ 4.0mm, 5.5mm. Chiều dài làm việc: 13 cm. Tốc độ tối đa 10000 vòng/phút. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	4.550.000	910.000.000	N05.03.060.388 4.175.0008		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
11	PP26000 17222	Lưới bảo khớp các cỡ	Lưới bảo khớp các cỡ	IN xx xx LV	2025 trở về sau	Brazil	Nexxmed Equipamentos Ltda./Brazil	Lưới bảo khớp sử dụng trong nội soi khớp. Đường kính 3.0mm, chiều dài làm việc 147mm; đường kính 4.0, chiều dài làm việc 187mm; đường kính 4.0, chiều dài làm việc 192mm. Lưới bảo khớp với thiết kế không tạo ma sát, không tỏa nhiệt mang lại hiệu quả và hiệu suất vượt trội. Lưới bảo khớp có lớp phủ, hệ số ma sát thấp, độ cứng cao, chống mài mòn tốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	5.500.000	1.100.000.000	-	N05.03.060		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
12	PP26000 17223	Lưới cắt đốt cầm máu trong khớp	Lưới cắt đốt cầm máu trong khớp	CAP SH xx xxx	2025 trở về sau	Brazil	Nexxmed Equipamentos Ltda./Brazil	- Đầu đốt bằng sóng RF, nhiệt độ ổn định 40-70 độ C. Ít tổn thương do nhiệt, an toàn cao trong phẫu thuật. Có kênh hút dịch giúp giảm nhiệt độ trong quá trình phẫu thuật. - Đầu đốt có nút bấm trên tay cầm. - Độ gấp góc 90 độ - Đường kính đầu 3.8mm., chiều dài làm việc 135mm. Đường kính tay cầm 15.5mm, chiều dài tay cầm 220mm. Chiều dài dây 3m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	5.800.000	1.160.000.000	-	N05.03.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
13	PP26000 17224	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn nước nội soi chạy bằng máy	EQP 02 LV 00	2025 trở về sau	Brazil	Nexxmed Equipamentos Ltda./Brazil	Dùng để bơm rửa, dẫn chất lỏng đến các khu vực thực hiện phẫu thuật nội soi. Có hai nhánh dẫn dịch đầu vào độc lập, đầu còn lại phù hợp để nối với trocar, trên đây có một buồng đo áp suất kép có thể lắp với máy bơm có hai cảm biến áp suất để điều chỉnh áp lực bơm nước. Có khóa để ngắt dòng nước. Thành phần vật liệu: Các ống mềm bằng PVC dẻo, các bộ phận bằng polycarbonate, polypropylene, ABS, PVC cứng, ống silicone và màng silicone. Chiều dài dây hơn 4m, vô trùng và sử dụng một lần. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	1.800.000	360.000.000	-	N07.06.080		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
14	PP26000 17225	Vít neo khâu sửa sụn chêm	Vít neo khâu sửa sụn chêm	BAK-7005	2025 trở về sau	Ấn Độ	Chetan Meditech Pvt.Ltd./ Ấn Độ	Vít neo khâu sửa sụn chêm, sử dụng trong kỹ thuật All-inside. Gồm hai neo PEEK kích thước 1.2mm x 5mm và nút chỉ siêu bền Biofiber USP 2-0 buộc sẵn buộc, tự khóa. Đường kính mũi: 1.5mm. Cong lên 12 độ Chốt chặn độ sâu, điều chỉnh được từ 10-18mm. Cơ chế kéo để bung neo chủ động 1 tay 360 độ	Cái/hộp	Cái	250	6.500.000	1.625.000.000	-	N07.06.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
15	PP26000 17226	Vít neo hàng trong chóp xoay kèm một chỉ số 2 và một chỉ dẹt 1.4mm	Vít neo hàng trong chóp xoay	BAS-9145.45F BAS-9091.55F BAS-9180.45FT BAS-9182.55FT	2025 trở về sau	Ấn Độ	Chetan Meditech Pvt.Ltd./ Ấn Độ	Vít neo buộc chỉ, khâu hàng trong chóp xoay. Chất liệu PEEK. Neo được cắt bằng máy từ vật liệu PEEK, đảm bảo kích thước chính xác và độ bền vững về mặt cấu trúc Thiết kế ren đôi(hai bước ren), tăng cố định vào xương cứng và xương xốp, rộng nông Đường kính 4.5mm, 5.5mm. Chiều dài 17mm Kèm một chỉ số 2 và một chỉ dẹt 1.4mm, hoặc kèm 3 chỉ Lực kéo bật trong khoảng 334.8 N tới 357.5 N	Cái/hộp	Cái	15	11.500.000	172.500.000	-	N07.06.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
16	PP26000 17227	Vít neo chôn chỉ bước ren đôi	Vít neo chôn chỉ bước ren đôi	BAS-9142.475F BAS-9092.55F	2025 trở về sau	Ấn Độ	Chetan Meditech Pvt.Ltd./ Ấn Độ	Vít neo chôn chỉ dạng vụn, khâu hàng ngoài chóp xoay. Chất liệu PEEK, mũi PEEK. Neo được cắt bằng máy từ vật liệu PEEK, đảm bảo kích thước chính xác và độ bền vững về mặt cấu trúc Thiết kế bước ren đôi(hai bước ren), rộng nông và có lỗ thông. Đường kính các cỡ: 4.75mm và 5.5mm. Dài 19mm. Lỗ xỏ chỉ 4.0mm. Lực kéo bật 503.4 N với neo 4.75mm và 588.7N với neo 5.5mm	Cái/hộp	Cái	15	11.500.000	172.500.000	-	N07.06.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
17	PP26000 17228	Vít neo chôn chỉ sụn viên toàn chỉ	Vít neo chôn chỉ sụn viên toàn chỉ	10441	2025 trở về sau	Ấn Độ	Chetan Meditech Pvt.Ltd./ Ấn Độ	Vít neo chôn chỉ điều trị mất vững khớp vai. Thiết kế toàn bằng chỉ, chất liệu UHMWPE. Phù hợp kỹ thuật anchor 1st. Đường kính 1.8mm. Sau bung tạo búi chỉ 4.2mm. Kèm chỉ sửa chữa số 2 và chỉ luồn màu xanh dương Lực kéo bật 226.2N	Cái/hộp	Cái	30	11.500.000	345.000.000	-	N07.06.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM
18	PP26000 17229	Vít chốt cố định dây chằng điều chỉnh độ dài	Vít neo dây chằng điều chỉnh độ dài BUTTON FIX	BAK-7195	2025 trở về sau	Ấn Độ	Chetan Meditech Pvt.Ltd./ Ấn Độ	Vòng treo thay đổi độ dài, cơ chế khóa tại 4 điểm. Chất liệu UHMWPE, thay đổi độ dài từ 6mm-80mm. Có khung hỗ trợ gân, bảo vệ khỏi ma sát và tổn thương, bao gồm cơ chế vòng khóa đôi trống trượt ngược sau khi siết Chốt chất liệu titanium, Dài 12mm, rộng 3.9mm, dày 1.5mm, thiết kế 4 lỗ Chỉ kéo màu trắng USP5, chỉ lật màu xanh lá USP5 Cho phép tạo cấu trúc có thể căng lại được Lực căng tối đa 1300N	Cái/hộp	Cái	300	10.500.000	3.150.000.000	-	N07.06.040		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ SUN MEDICAL VIỆT NAM

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
19	PP26000 17230	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước	Gân nhân tạo các cỡ sử dụng trong tái tạo dây chằng chéo trước JewelACL	102-6003	Từ năm 2025 trở về sau	Anh	Xiros Ltd	Vật liệu: Polyethylene terephthalate (polyester). Xử lý bề mặt: Quy trình xử lý plasma khí giúp bề mặt ưa nước, tăng cường tích hợp mô. Cấu trúc: Dạng ống liên tục, cấu trúc dệt mở, có các lỗ bên hông để chứa gân tự thân (nếu sử dụng), các phần dệt cho phép mô tự nhiên phát triển vào trong. Độ bền kéo của Sợi đơn 1200 N. Đường kính trong 7 mm x 710 mm. Phương pháp cấy ghép: Có thể cấy ghép độc lập hoặc kết hợp với một gân tự thân. Tiêu chuẩn: CE, ISO Đóng gói: Tiệt trùng sẵn	Cái/Hộp	Cái	50	42.500.000	2.125.000.000		N06.04.030	9021 3900	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ IMD
20	PP26000 17231	Miếng và chóp xoay nhân tạo	Miếng và chóp xoay nhân tạo Pitch-Patch™	102-1090 XI / 102-1091 XI	Từ năm 2025 trở về sau	Anh	Xiros Ltd	Vật liệu: Polyester (sợi poly (ethylene terephthalate)). Cấu trúc: dệt kim dọc, có viền gia cố. Cấu trúc khung đỡ xấp xỉ tạo điều kiện cho mô phát triển vào trong. Kích thước lỗ xấp xỉ ~200-250µm, tối ưu cho sự phát triển của mô. Kích thước: 30mm x 20mm, 35mm x 25mm. Độ bền: Độ bền trung bình cao >400N khi được khâu hoàn toàn ở mép trong. Tiêu chuẩn: CE, ISO Đóng gói: Tiệt trùng sẵn	Cái/Hộp	Cái	10	42.500.000	425.000.000	-	N06.04.030	9021 3900	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ IMD
21	PP26000 17232	Đầu đốt bằng sóng Radio frequency (dao RF), các cỡ	Đầu đốt bằng sóng radio	AR-9811	Từ 2024	Costa Rica	Viant Costa Rica, S.A.	Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không gỉ 304, điện cực được làm bằng thép không gỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng. Đầu đốt 90 độ giúp dễ dàng tiếp cận mô một cách nhanh chóng. Dễ dàng sử dụng và điều khiển bằng tay. Chỉ một mặt điện cực hoạt động nên cho phép thời gian sử dụng bền. Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật. Chiều dài 160mm, đường kính 3.75mm Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gân ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	200	7.700.000	1.540.000.000	N05.03.060.432 0.146.0001	N05.03.060	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
22	PP26000 17233	Vít treo có kèm vòng chỉ siêu bền 4 điểm khoá	Vít treo	AR-1588RT	Từ 2024	Anh	Pearsalls Ltd	Vật liệu: vít treo bằng Titanium, vòng treo bằng chỉ siêu bền (UHMWPE) Kích thước: vít treo (dài x rộng x cao): 13mm x 3.4mm x 1.5mm, khoảng cách giữa 2 lỗ luồn chỉ: 3.48mm, vòng treo: 11mm tới hơn 60mm (điều chỉnh được chiều dài) Sử dụng được cho mảnh ghép gân chân gối (hamstring) và mảnh ghép gân bánh chè (BTB). Khả năng chịu lực tối đa lên tới 980N. Một kích cỡ duy nhất dùng cho các loại kỹ thuật khác nhau. Vít treo có 4 điểm khoá không thắt nút tích hợp sẵn giúp dễ dàng thao tác, tránh nhiễm khuẩn. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	250	12.700.000	3.175.000.000	N07.06.040.662 8.107.0001/ N07.06.040.027 0.175.0055	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
23	PP26000 17234	Vít neo cổ định dây chằng tự điều chỉnh loại	Vít neo cổ định dây chằng tự điều chỉnh loại Ext Liftfix Button	TM00140100	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít neo cổ định dây chằng có thể điều chỉnh dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside và có thể kết hợp tăng cường chiều rộng lên 5mm, dài lên 15mm - Chất liệu: Bảng titanium, vòng treo chỉ UHMWPE UPS6. - Thiết kế 4 lỗ, dây 1-3mm, rộng 3-6mm, dài 10-14 mm, có thước đo tỷ lệ nhằm tạo thuận lợi cho phẫu thuật. - Lực kéo ≥1840 Newton. - Có hai sợi chỉ siêu bền riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO,CE (châu Âu)	1 cái/hộp	Cái	300	9.990.000	2.997.000.000	N07.06.040.527 6.272.0005		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MỸ TÂM
24	PP26000 17235	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài 8 x 11mm, loại gắn rời	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài ETButton 8 x 11mm, loại gắn rời	800900500/ 800900400	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC – People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V ELI) - Kích thước: 8 x 11mm - Chức năng: tái tạo dây chằng chéo, cổ định dây chằng các loại. Kỹ thuật ít xâm lấn giúp bảo tồn xương và màng xương giúp nhanh hồi phục hơn. - Thiết kế: chốt neo bán rộng có 2 lỗ dạng mở giúp dễ dàng gắn vòng treo rời và chỉ tăng cường (nếu có) mà không cần luồn chốt neo qua đường hầm xương. - Bộ phận đi kèm: kết hợp vòng treo Suture loop gắn rời có thể điều chỉnh độ dài giúp cho việc cổ định gân ghép trên xương chày linh hoạt và đơn giản hơn. - Khả năng chịu lực tái tối đa 1.012N - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	200	10.000.000	2.000.000.000	N07.06.040.485 5.279.0006	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
25	PP26000 17236	Vít chốt neo dây chằng 5.5 x 20mm, loại tăng cường hoặc thay lại	Vít chốt neo dây chằng ETButton 5.5 x 20mm, loại tăng cường hoặc thay lại	800805200	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC – People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V ELI) - Chức năng: sử dụng trong phẫu thuật sửa tăng cường điểm bám tại chỗ do lỗ khoan vỏ xương bị vỡ, quá rộng hoặc dùng trong phẫu thuật thay lại ACL/PCL, dây chằng các loại. - Kích thước: 5.5 x 20mm - Tương thích với vít chốt neo ETButton 4 x 12mm - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	100	5.200.000	520.000.000	N07.06.040.485 5.279.0005	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
26	PP26000 17237	Vít chỉ neo 1.4mm kèm chỉ	Vít chỉ neo JoinFix 1.4mm kèm chỉ	801101300	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC – People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Chất liệu: vít neo hoàn toàn bằng chỉ chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). - Chức năng: khâu sửa và cố định gân, dây chằng vào xương như phẫu thuật khâu sụn viền khớp vai, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay. - Thiết kế: toàn bộ neo bằng chỉ siêu bền, khi bung ra tạo thành 1 khối dạng vít nở hình cầu bám chặt vào xương. - Vít neo chỉ kết nối với 01 sợi chỉ siêu bền không tiêu số 2 và được gắn sẵn trên trục tay đóng neo. - Đường kính neo 1.4mm. Chiều dài neo: 8mm. Đường kính sau khi bung neo trong khoảng 2 - 4mm. - Khả năng chịu lực tải: 112N - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	30	8.600.000	258.000.000	N07.06.040	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
27	PP26000 17238	Troca Silicone nội soi khớp	Troca Silicone Tracport nội soi khớp	810710400 / 810710500	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC – People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Chất liệu: Silicone - Kích thước: Ø8 x 30mm / Ø8 x 40mm - Chức năng: công dẫn đường dụng cụ trong phẫu thuật nội soi khớp vai, khớp gối. - Thiết kế: nhỏ gọn tối ưu hóa với khoang khớp, vật liệu mềm dẻo, linh hoạt tránh tổn hại mô mềm. Độ bền kéo của vật liệu silicon ≥700Psi, độ giãn dài khi đứt ≥400% và độ bền xé ≥150Ppi - Đóng gói tiệt trùng, dùng một lần - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	50	1.500.000	75.000.000	N08.00.470.485 5.279.0001	N08.00.470	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
28	PP26000 17239	Vít chi neo PEEK kèm chi bản dẹt, cổ định không thắt nút	Vít chi neo PEEK GripLoc kèm chi bản dẹt, cổ định không thắt nút	800611400 / 800611600 / 800612400 / 800612600	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC – People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Vật liệu: PEEK - Kích thước: 4.75 x 19.3mm / 5.5 x 19.3mm - Chức năng: cố định gân, dây chằng trong phẫu thuật khớp vai, khớp gối, cổ - bàn chân, cổ - bàn tay, khuỷu tay. - Thiết kế: thân vít rộng nông được gắn sẵn trên trục GripLoc kết hợp khuyên tròn phần đầu trục để luồn, giữ và căng chỉ giúp cố định vít theo đúng hướng và đúng độ căng mà không cần thắt nút. Các lỗ rộng giúp xương phát triển vào trong dây nhanh quá trình lành xương và đạt độ chắc tối đa. Chịu lực chống nhổ lên đến 322N và độ di lệch vít nhỏ 0.49mm. - Bộ phận đi kèm: kết hợp linh hoạt với chỉ bản dẹt Wilsuturetape và chỉ siêu bền số 2 Wilsuture Ultra - Đóng gói tiệt trùng sẵn. - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	20	13.000.000	260.000.000	N07.06.040.485 5.279.0013	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
29	PP26000 17240	Xương nhân tạo dạng khối	Xương nhân tạo	FlexiOss® 10mm	2025	Ba Lan	Medical Inventi S.A.	"Thành phần: Hydroxyapatite tổng hợp (canxi phosphat) và Curdlan – β-1,3 glucan polymer. - Độ xốp (Porosity): khoảng 65% - Cấu trúc: Hai pha xương-polymer thể hệ 3, mô phỏng đặc tính xương xốp tự nhiên. - Tính chất: Dẻo, đàn hồi, dễ cắt – tạo hình, tương thích sinh học cao. - Công dụng: Cầm máu, thẩm dịch, kích thích tái tạo và liền xương. - Ứng dụng: Lắp đầy khuyết xương, hỗ trợ ghép implant trong phẫu thuật chỉnh hình (cột sống, chi trên/dưới, vùng khuyết phức tạp). - Dạng: Hình trụ – L: 10 $\pm$ 5% mm; Ø: 13 $\pm$ 5% mm; khối lượng khô: 0,89 $\pm$ 0,1 g."	1 cái/hộp	Hộp	10	10.850.000	108.500.000	N06.04.090		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ GREEN MEDICAL
30	PP26000 17241	Chất làm đầy bôi trơn khớp	Chất làm đầy, bôi trơn khớp Viscoplus Gel	Viscoplus Gel	2025 trở về sau	Thụy Điển	Bohus BioTech AB	- Hoạt chất: Natri hyaluronate - Được sản xuất bằng phương pháp lên men - Nồng độ: 2,5% - Hàm lượng: 75 mg/3 ml - Trọng lượng phân tử trung bình lên đến 3 triệu Dalton - Liên kết mạch thẳng - Độ nhớt đàn hồi: • trên 500Pa ở tần số 0,5Hz • trên 800Pa ở tần số 2,5Hz	1 ống/hộp	Hộp	50	4.800.000	240.000.000	N00.00.000.057 3.273.0002			CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI VÀ ĐẦU TƯ PATCO
31	PP26000 17242	Chất làm đầy, bôi trơn khớp, Nồng độ 2.0%, thể tích 2.4ml	Chất làm đầy, bôi trơn khớp, Nồng độ 2.0%, thể tích 2.4ml	Reviscon Mono 2.0%	Từ năm 2025 trở về sau	Đức	VSY Biotechnology GmbH	- Thành phần: Sodium hyaluronate - Thể tích: 2.4ml - Trọng lượng pt: 3.0 Mda - Độ nhớt: 900.000 mPa.s - Ph: 6.8-7.6	1 Xilanh/Hộp	Xilanh	50	3.900.000	195.000.000	N00.00.000.5319. 155.0003		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
32	PP26000 17243	Chất làm đầy, bôi trơn khớp, Nồng độ 1.6%, thể tích 2.0ml	Chất làm đầy, bôi trơn khớp, Nồng độ 1.6%, thể tích 2.0ml	Reviscon Plus 1.6%	Từ năm 2025 trở về sau	Đức	VSY Biotechnology GmbH	Thành phần: Sodium hyaluronate; Thể tích: 2.0ml; Trọng lượng pt: 3.0 Mda; Độ nhớt: 250.000 mPa.s Độ pH: 6.8-7.7	1 Xilanh / Hộp	Xilanh	50	1.900.000	95.000.000	N00.00.000.531 9.155.0002		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
33	PP26000 17244	Bộ kit tách, trộn - bơm keo Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) sử dụng cho phẫu thuật nội soi	Kit tách chiết và phun Fibrin giàu tiểu cầu	VS 420	2025 trở về sau	Đan Mạch	Vivostat A/S	Thành phần: bao gồm bộ kit chiết tách và bộ kit trộn bơm keo với đầu vòi nội soi Thông số: - Với 120ml máu có thể điều chế được 5ml-6ml keo Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) - Tỷ lệ tiểu cầu trong thành phẩm Fibrin giàu tiểu cầu (PRF) gấp xấp xỉ khoảng 7 lần nồng độ cơ bản trong máu - Nồng độ fibrin cao lên tới 17.72mg/ml - Bảo quản được ở nhiệt độ phòng trong 8 giờ sau khi chiết tách	1 Bộ/hộp P	Bộ	20	21.630.000	432.600.000	K07.07.000.435 5.153.0006		9018	CÔNG TY CỔ PHẦN VIETMEDIC
34	PP26000 17250	Nẹp titan mini thẳng 16 lỗ, chiều dài 99mm, hệ vít 2.0 mm	Nẹp mini thẳng, dài 1.0mm, Titanium	50-32-165	2025 trở về sau		Rebstock Instruments GmbH	Nẹp thẳng 16 lỗ. Độ dày 1mm, dài 99mm, tương thích với hệ thống vít mini 2.0mm	Bi 5 cái	Cái	60	1.600.000	96.000.000		N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
35	PP26000 17257	Bộ Khớp gối toàn phần có xi măng, vitamin E bảo tồn xương tối đa.	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng XUC- bảo tồn xương tối đa, góc gấp gối tối đa 155 độ	2103-xxxx 2303-xxxx 2203-xxxx 2403-xxxx 880xxxx	2025 trở về sau	Đài Loan + Argentina	United Orthopedic Corporation + Laboratorios SL, SA	1.Lõi cầu đùi. Chất liệu Cobalt Chrome(CoCr), độ gấp gối tối đa 155 độ. Có 13 cỡ mỗi bên trái và phải với bước nhảy 2mm/cỡ 2.Lớp lót mâm chày. Chất liệu Polyethylene siêu cao phân tử liên kết chéo bổ sung thành phần vitamin E (E-XPE) giúp tăng khả năng chịu mài mòn, tăng độ cứng vật liệu và chống Oxi hóa. Lớp lót có độ dốc sau 5° và cạnh trước cao 12.5mm tăng khả năng chống trượt ra trước. Lớp lót có 5 cỡ tương ứng cho mỗi kích thước mâm chày từ 9mm đến 18mm. 3.Mâm chày. Chất liệu bằng hợp kim Titanium Alloy với thiết kế dạng module có đầu chò để gắn thêm miếng ghép titanium bù xương hoặc có thể gắn thêm chuỗi nối dài xuống dưới xương chày. Mâm chày có 8 cỡ	Hộp/Bộ	Bộ	10	58.000.000	580.000.000	N06.04.053.427 2.296.0031	N06.04.053	9021	Công ty Cổ phần TM Việt Cường

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
36	PP26000 17258	Khớp gối toàn phần di động kép	Khớp gối toàn phần có xi măng GKS Mobile Vital E	540xx, 539xx , 519xxE/ 520xxE, 531xx , T040340G	2021 trở đi	Ý, Pháp	Permedica S.p.A, Teknimed SAS	1. Lõi cầu: vật liệu hợp kim CrCoMo, bề mặt được hoàn thiện lớp phủ TiNbN, độ dày lớp phủ $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$ (Trang 1,5/12 Tiếng Anh - file Catalog , trang 7,11/12 Tiếng Việt - Catalog) gồm 8 cỡ: cỡ 5, 6, 7,8, 9, 10, 11, 12 ở mỗi bên trái và phải. Độ rộng trong ngoài 60 mm đến 77,5 mm, độ rộng trước sau: 52,5 mm đến 71,5mm. (Trang 6/12 file Catalog) 2. Mâm chày: Chất liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, gồm 7 cỡ: A,B,C,D,E,F,G. Bề mặt được hoàn thiện bằng lớp phủ TiNbN, độ dày lớp phủ, $4,5 \pm 1,5\mu\text{m}$ (Trang 1,5/12 Tiếng Anh - file Catalog, trang 7,11/12 Tiếng Việt - Catalog) Độ rộng trong ngoài mặt mâm chày 63 mm đến 84 mm, độ rộng trước sau: 40 mm đến 54mm (Trang 6/12 file Catalog) 3. Lốp đệm mâm chày: Đệm mâm chày: vật liệu UHMW PolyEthylene kết hợp Vitamin E, lớp lót xoay UC được thiết kế làm tăng sự ổn định khớp ngay cả khi không có khí không có dây chằng chéo sau (PCL). (Trang 2,3/12 Tiếng Anh - file Catalog, Trang 8,9/12 Tiếng Anh - file Catalog) Có 8 cỡ 5,6,7,8,9,10,11,12, độ dày đệm mâm chày có 10 cỡ: 9mm,10mm,11mm,12mm,13mm,14mm,15mm,17mm,18mm, 20mm (Trang 3/12 Tiếng Anh - file Catalog, Trang 9/12 Tiếng Anh - file Catalog) 4. Xi măng sinh học có kháng sinh Gentamicin (Trang 2/4 Tiếng Anh - file Catalog xi măng, Trang 4/4 Tiếng Việt - file Catalog xi măng) 5. Bánh chèo: Bánh chèo: vật liệu UHMW PolyEthylene với 6 kích cỡ: 28 mm, 30 mm, 32 mm, 34 mm, 36 mm, 38 mm.(Trang 2/12 Tiếng Anh - file Catalog, Trang 8/12 Tiếng việt - file Catalog)	Cái/Hộp	Bộ	15	74.500.000	1.117.500.000	-	N06.04.053	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NAM HÀ
37	PP26000 17259	Khớp háng bán phần không xi măng, ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp	Khớp háng bán phần không xi măng UHL - PAVI	H015 0008 -> H015 0016; UHL-22-38 -> UHL-28-60; HIT CC422; HIT CM422; HIT CM428; HIT CL422; HIT CL428	Năm 2025 trở về sau	Pháp	Groupe Lepine	1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium 120μm và Hydroxyapatite 80μm - Góc cổ chuôi 135° - Cồn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Kích cỡ: 8-16 bước tăng 1, chiều dài 87-170mm 2. Đầu xương đùi (chòm): - Vật liệu: Thép không gỉ - Kích cỡ: đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) 3. Ổ cối bán phần: - Vật liệu: bề mặt ngoài bằng thép không gỉ, bên trong bằng polyethylene - Bề mặt ngoài được đánh bóng cao với độ nhám <0,5μm - Ổ cối có cơ chế khóa răng chống trật khớp - Kích cỡ: 38-60 bước tăng 2 * Tiệt trùng bằng tia Gamma * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp/cái	Bộ	15	45.300.000	679.500.000	N06.04.052.229 4.240.0001	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TUỒNG	

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
38	PP26000 17260	Khớp háng chuyển động đôi toàn phần không xi măng	Khớp háng toàn phần không xi măng QUATTR O PNP, Metal on Poly (MOP)	H015 0008 -> H015 0016; HIT CC422; HIT CM422; HIT CL422; HIT CL428; HQCHC144 -> HQCHC160; HQN DP244 -> HQN DP260; HQN DM848 -> HQN DM860	Năm 2025 trở về sau	Pháp	Groupe Lepine	1. Chuôi xương đùi: loại tự khóa - Vật liệu: Hợp kim Titanium aluminum vanadium - Phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm - Góc cổ chuôi 135° - Cồn 12/14 - 5°40' - Cổ chuôi hình elip và được đánh bóng gương - Kích cỡ: 8-16 bước tăng 1, chiều dài 87-170mm - Tiết trùng bằng tia Gamma 2. Đầu xương đùi (chôm): - Vật liệu: thép không gỉ - Kích cỡ: đường kính 22.2mm (-2, 0, +3), đường kính 28mm (-3.5, 0, +3.5) - Tiết trùng bằng tia Gamma 3. Ổ cối: Ổ cối không bắt vít - Vật liệu: Hợp kim Cobalt-chromium-molybdenum - Phủ 2 lớp: Titanium 120µm và Hydroxyapatite 80µm - Mặt ngoài: quanh viền có 6 đỉnh, trên đỉnh có 4 đỉnh. Mặt trong được đánh bóng cao với độ nhám <0,05µm - Có vành chống trật 5mm với 2 điểm đánh dấu - Kích cỡ: 44-60 bước tăng 2 - Tiết trùng bằng tia Gamma 4. Lớp đệm: - Vật liệu: Polyethylene - Lớp đệm chuyển động đôi - Kích cỡ: 44-60 bước tăng 2 - Tiết trùng bằng ethylene oxide * Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Hộp/cái	Bộ	15	65.350.000	980.250.000	N06.04.051.229 4.240.0004	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG	
39	PP26000 17261	Khớp háng toàn phần không xi măng	Khớp háng toàn phần không xi măng SL X-Pore	157xx+203xx+363xx+352xx+367xx	2021 trở đi	Ý	Permedica S.p.A	1. Chuôi khớp: Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, phủ nhám đầu gần với 500 µm Titanium tinh khiết. Chiều dài chuôi: 137 mm, 139,5mm, 142,0mm, 146,5mm, 147,0mm, 151,5mm, 152,0mm, 157,5mm, 162 mm. Góc cổ chuôi 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm; (Trang 3/24 Tiếng Anh, Trang 15/24 Tiếng Việt - file Catalog) 2. Chôm xương đùi vật liệu hợp kim CrCo đường kính đầu ø22 mm (- 2,0; 0; +2,0) , ø28mm (-3,5; 0; +3,5; +7,0) , ø32mm (-4,0; 0; +4,0; +8,0), ø36mm (- 3,5; 0; +3,5; +7,0); (Trang 7/24 Tiếng Anh, Trang 19/24 Tiếng Việt - file Catalog) 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, bên ngoài là lớp phủ X-pore dày 500µm, chạy dọc theo vành ổ cối là lớp phủ ULTRAFIT, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lót ổ cối. Kích cỡ : 42– 70 mm với mỗi bước tăng 2mm; (Trang 11,12/24 Tiếng Anh, Trang 23,24/24 Tiếng Việt - file Catalog) 4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0,10,20°; (Trang 12/24 Tiếng Anh, Trang 24/24 Tiếng Việt - file Catalog) 5. Vít ổ cối: vật liệu hợp kim Titanium dài 20mm đến 60mm (Trang 11/24 Tiếng Anh, Trang 23/24 Tiếng Việt - file Catalog)	Cái/Hộp	Bộ	5	53.500.000	267.500.000	N06.04.051.345 7.292.0001	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NAM HÀ	

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
40	PP26000 17262	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly tiêu chuẩn	Khớp háng toàn phần không xi măng Ceramic on Poly loại tiêu chuẩn	1027 xxxx, 1513 xxxx, 2014 xxxx, 3031 xxxx, 8001 xxxx	≥ 2025	Thụy Sĩ	Symbios Orthopédie SA	1. Ổ cối: Ổ cối nén ép không xi măng tương thích với đệm ổ cối loại INLOCK X (polyethylene liên kết chéo cao) - Chất liệu: Hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3). Lớp phủ: xốp titan (500 µm) và hydroxyapatit (40 µm). - Kích cỡ: 14 kích cỡ (từ size 40 đến 64), tương thích chòm có đường kính từ Ø22.2 mm đến Ø36 mm. - Thiết kế hình bán cầu có đỉnh phẳng 2mm, lực ép chặt tăng dần, đạt 1.4 mm tại vùng xích đạo, phạm vi chuyển động lên tới 142°. - 3 lỗ bắt vít - Các gờ chống trượt bên trong ổ cối cho phép cơ chế click-and-lock, đảm bảo ổn định lâu dài và ngăn chặn sự xoay của lớp đệm. 2. Lớp đệm ổ cối liên kết chéo cao Highly-crosslinked polyethylene - Chất liệu: Highly-crosslinked polyethylene (Chirulen® 1020 X-ASTM F2565) - Kích cỡ: 22.2, 28, 32, 36 mm, gờ 0 độ; 10 độ tương thích ổ cối cỡ 40 - 64mm, bước tăng 2mm. - Đặc tính chất liệu giảm tỉ lệ mài mòn, giảm nguy cơ lỏng xương 3. Chòm xương đùi: - Chất liệu: ceramic (Al2O3 + ZrO2-ISO 6474-2) - Kích cỡ: Đường kính head (offset tương ứng) : 28 (+0, ±3.5), 32 (+0, ±4,+7), 36 (+0, ±4,+8), 40 (+0, ±4,+8) mm. 4. Cuống xương đùi không xi măng: - Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3) dày 225 +/- 25 µm, phủ : Hydroxyapatite dày 120 +/- 35 µm. - Kích cỡ: 8-20, chiều dài: 115-190mm - Tương thích với cổ cối: 12 / 14 5°40' taper. Góc cổ chוו 129° - Thiết kế từ giác tự khóa, rãnh ngang giúp ổn định vị trí chוו, loc mở dần giúp cố định chắc chắn vùng hành xương. 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Titanium alloy (Ti6Al4V-ISO 5832-3). - Kích cỡ: đường kính 6.5mm. Chiều dài vít từ 15mm đến 60mm với mỗi bước tăng 5mm * Tiêu chuẩn ISO 13485, EU (châu Âu)	Bộ/Hộp	Bộ	5	56.500.000	282.500.000	N06.04.051.525 0.274.0010	9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MỸ TÂM	
41	PP26000 17263	Khớp háng toàn phần không xi măng, chòm Ceramic	Khớp háng toàn phần không xi măng SL X-Pore/Ceramic on PE	157xx, 205xx, 363xx, 352xx, 367xx	2021 trở đi	Ý	Permedica S.p.A	1. Chוו khớp: Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium. Chiều dài chוו: 137 mm, 139,5mm, 142,0mm, 146,5mm, 147,0mm, 151,5mm, 152,0mm, 157,5mm, 162 mm. Góc cổ chוו 135° với offset tương ứng từ 34,8mm đến 41,4mm với chiều dài thân cổ tiêu chuẩn 34,2mm; (Trang 3/21 Tiếng Anh, Trang 13/21 Tiếng Việt - file Catalog) 2. Chòm xương đùi vật liệu BioloX Delta Ceramic đường kính đầu ø28mm (- 3,5; 0; +3,5), 32mm (- 4,0; 0; +4,0; +7,0), 36mm (- 4,0; 0; +4,0; +8,0), 40 mm (- 4,0; 0; +4,0; +8,0) (Trang 5/21 Tiếng Anh, Trang 15/21 Tiếng Việt - file Catalog) 3. Ổ cối: Vật liệu hợp kim Titanium Aluminium Vanadium, lớp phủ ULTRAFIT dày 1.000 micron chạy dọc theo vành ổ cối, lỗ vít có thể khóa bằng nút có ren, bên trong có rãnh khóa lốt ổ cối. Kích cỡ : 42-70 mm với mỗi bước tăng 2mm; (Trang 6,7,10/21 Tiếng Anh, Trang 16,17,20/21 Tiếng Việt - file Catalog) 4. Lớp đệm (Liner): Vật liệu UHMWPE, gờ chống trật 0,10,20°; (Trang 8/21 Tiếng Anh, Trang 18/21 Tiếng Việt - file Catalog) 5. Vít ổ cối: vật liệu Titanium Aluminium Vanadium dài 20mm đến 60mm (Trang 7/21 Tiếng Anh, Trang 17/21 Tiếng Việt - file Catalog)	Cái/Hộp	Bộ	5	61.000.000	305.000.000	N06.04.051.345 7.292.0003	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC VÀ THIẾT BỊ Y TẾ NAM HÀ	

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
42	PP26000 17264	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi hình chữ "C"	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi Optimys - ổ cối RM Pressfit	52.34.0xxx(xxx=191-222); 52.34.02xx(x=01-10;21;22); 54.48.0xxx(xxx=010-213); 52.34.00xx(x=32-76); 4.14.0xx(xx=00-08; 13-15); 4.14.0xxS(xx=00-08; 13-15)	Từ năm 2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Mathys Ltd Bettlach	1. Cuồng xương đùi (stem): Tương đương mặt hàng Optimys stem. - Vật liệu Ti6Al4V, bề mặt phủ 2 lớp: bên trong 250 µm Titanium Plasma Sprayed (TPS), bên ngoài 20 µm Calcium Phosphate (CaP). - Kích cỡ (stem size): 1 - 12 (Standard/Lateral với bước tăng 1); tương ứng chiều dài từ 84mm; 88mm; 91mm; 94mm; 97mm; 100mm; 103mm; 106mm; 109mm; 112mm; 115mm; 118mm. - Thiết kế chuỗi dạng chữ "C" đặt ôm sát bờ calcar giúp bảo tồn xương và mô mềm, giúp tải lực toàn bộ lên calcar, hạn chế tải lực lên vùng mấu chuyển lớn và xung quanh, giảm hủy xương của các vùng trên (có thể lựa chọn đường mô lõi trước bên). - Ổ cối 12/14 mm, dạng chêm 3 chiều; hình thang được đánh bóng đầu xa. Góc ổ cối CCD: 135 độ. 2. Đầu xương đùi (Femoral Head): Tương đương mặt hàng Femoral Head symarec - Kích cỡ: từ 28mm, 32mm, 36mm + Đường kính ngoài 28 mm với chiều dài cổ -3.5 (S), 0 (M), +3.5 (L) + Đường kính ngoài 32 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) + Đường kính ngoài 36 mm với chiều dài cổ -4 (S), 0 (M), +4 (L), +8 (XL) - Chất liệu: sứ ZTA (Al2O3-ZrO2), hỗn hợp đồng nhất Alumina và Zirconia có khả năng chống mài mòn và chống nứt vỡ cao. 3. Ổ cối (Cup): Tương đương mặt hàng RM Pressfit cup TiCP vitamys. - Vật liệu: PE cao phân tử (UHMWPE) được làm giàu bằng Vitamin E (VEPE), mặt ngoài phủ lớp Titanium Calcium Phosphate (TiCP), Ti6Al4V. Kích cỡ: từ 44mm đến 70mm (bước tăng 2mm) - Đường kính trong: 28mm, 32mm, 36mm. - Ổ cối RM pressfit có hình bán cầu dẹt nguyên khối đàn hồi với cơ chế ép chặt (pressfit); có 4 lỗ bắt vít (có thể lựa chọn dùng vít hay không dùng vít). 4. Vít ổ cối (Screw): - Đường kính 4mm. Chất liệu: TiCP - Chiều dài: 22 mm- 52 mm (bước tăng 2 mm) Tiêu chuẩn chất lượng CE/EU, ISO 13485. Đã tiệt trùng sẵn.	1 Cái/Hộp	Bộ	20	75.000.000	1.500.000.000	N06.04.051.292 4.274.0007	N06.04.051	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
43	PP26000 17265	Khớp gối toàn phần loại bán lẻ - xoay phù hợp thay lại và mất chức năng dây chằng, kết hợp chuỗi dài có xi măng	Khớp gối toàn phần loại mono bán lẻ - xoay chuỗi dài phù hợp thay lại và mất chức năng dây chằng Endo Model	(15-80xx/xx; 15-29xx/xx; 15-25xx/xx)	2023 trở về sau	Đức	Waldemar Link GmbH & Co. KG	01. Phần xương đùi bán lẻ: Làm từ hợp kim CoCrMo, cấu tạo tương thích giải phẫu học. Có 04 cỡ lõi cầu đùi phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (tương ứng với x-small 55/160mm, small 60/182mm, medium 65/185mm, large 75/190mm). Có bán lẻ kết nối với mâm chày, chuỗi vẹo ngoài sẵn 6 độ góc gấp gối 142 độ. Tối ưu cho các bệnh nhân mất chức năng của các dây chằng Phần mâm chày có chốt bán lẻ: Kiểu xoay lúc gấp và khóa xoay lúc duỗi tối đa để đi lại, làm từ hợp kim CoCrMo. Có 04 cỡ mâm chày phải và 04 cỡ lõi cầu đùi trái. (chiều dài x-small/120mm, small/160mm, medium/160mm, large/ 160mm). Có chốt cố định bán lẻ liên kết với lõi cầu tăng tối đa sự cố định các thành phần. Phần insert mâm chày: Vật liệu Polyethylene cao phân tử khóa xoay, có vít cố định với mâm chày. Phần insert mâm chày (PE Articular Surfaces): Vật liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) khóa xoay, có vít cố định với mâm chày. 02. Phần đệm cho mâm chày (Tibial Spacers): Bằng chất liệu X-LINKed nhựa siêu bền các cỡ: x-small/5,10,15mm, small/5,10,15mm, medium/5,10,15mm, large/5,10,15mm sử dụng cho khuyết xương mâm chày. * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha.	Cái/Hộp	Bộ	2	190.000.000	380.000.000	N06.04.053.532 5.155.0001	N06.04.053	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
44	PP26000 17266	Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore	Khớp háng bán phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore	- Chuỗi xương đùi: NKxxxT - Chòm khớp háng: NKxxxK - Ổ cối lưỡng cực: NKxxxS	Năm 2025 trở về sau	Đức và Thụy Sĩ	Aesculap AG và Ortek AG	1. Chuỗi xương đùi - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V. - Cổ chuỗi dính liền thân chuỗi, với góc cổ chuỗi 135° - Kích cỡ chuỗi khoảng từ 8mm - 18mm (tương ứng với chiều rộng đầu xa thân chuỗi 8-18mm), bước tăng 1mm - Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145mm - 190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám Plasmapore dày 0.35mm. - Thân trên có cánh chống xoay ở mức chuyển lớn và gờ nổi dọc hai bên thân trên hỗ trợ cố định. 2. Chòm khớp háng - Chất liệu: Cobalt-chromium - Kích cỡ: 12/14. Đường kính các cỡ khoảng 22.2mm; 28mm 3. Ổ cối lưỡng cực - Chất liệu: vỏ ngoài bằng vật liệu thép cấy ghép chuyên dụng, lớp lót bằng polyethylene cao phân tử UHMWPE (ultra high molecular weight polyethylene UHMWPE) - Thiết kế tự định tâm với vòng khóa chống trật. - Kích thước đường kính ngoài khoảng từ 39mm - 55mm - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE - Xuất xứ: Châu Âu	Cái/Hộp	Bộ	10	43.000.000	430.000.000	N06.04.052.009 2.155.0016	N06.04.052	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
45	PP26000 17267	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	Khớp háng toàn phần không xi măng, chuỗi phủ Plasmapore, Ceramic On Poly Vitamin E	- Chuỗi xương đùi: NKxxxT - Chòm khớp háng: NKxxxD - Lớp đệm ổ cối: NVxxxE - Ổ cối nhân tạo không xi măng: NVxxxT. - Vít ổ cối: NVxxxT	Năm 2025 trở về sau	Đức	Aesculap AG và CeramTec GmbH, Medical Products Division	1. Chuỗi xương đùi - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V. - Cổ chuỗi dính liền thân chuỗi, với góc cổ chuỗi 135° - Kích cỡ chuỗi khoảng từ 8mm - 18mm (tương ứng với chiều rộng đầu xa thân chuỗi 8-18mm), bước tăng 1mm - Chiều dài chuỗi (tính từ cổ chuỗi đến cuối thân chuỗi) 145mm - 190mm. - Bề mặt vùng chịu lực chính ở đầu gần phủ lớp titanium nhám dày 0.35mm. - Thân trên có cánh chống xoay ở mức chuyển lớn và gờ nổi dọc hai bên thân trên hỗ trợ cố định. 2. Chòm khớp háng (Biolox Delta Prosth.Head 12/14): - Chất liệu: Biolox delta (Aluminium oxide matrix ceramic) - Kích cỡ: 12/14. Đường kính 28mm; 32mm; 36mm; 40mm, có các size S; M; L; XL 3. Lớp đệm ổ cối (Vitelene Insert): - Chất liệu: Vitelene (UHMWPE-XE vitamin E stabilized highly crosslinked polyethylene). 4. Ổ cối nhân tạo không xi măng: - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V. Bề mặt của ổ cối được phủ lớp titanium nguyên chất siêu nhám bằng công nghệ phun plasma trong môi trường chân không, lớp phủ dày khoảng 0,35mm với mật độ vi lỗ khoảng 50% hỗ trợ tăng liền xương. - Thiết kế: Ổ cối hình vòm, đặt phẳng ở phần đỉnh khoảng 1.5mm và có các gai mịn hỗ trợ cố định vào xương ở phần thân và vành đai ổ cối. - Kích cỡ: Các cỡ từ 40mm - 70mm. Có tối thiểu 3 lỗ bắt vít. Dùng được cho cả lớp lót polyethylene và ceramic. 5. Vít ổ cối: - Chất liệu: Hợp kim titanium Ti6Al4V. - Thiết kế: Tự taro, xoay quanh trục +/- 9° - Kích cỡ: Đường kính cỡ 6.5mm; chiều dài khoảng từ 16mm - 68mm, bước tăng 4mm. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE. - Có 2 CFS tại các nước Đức, Anh - Xuất xứ: Đức	Cái/Hộp	Bộ	5	70.000.000	350.000.000	N06.04.051.009 2.155.0014	N06.04.051	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
46	PP26000 17268	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	Bộ khớp gối toàn phần có xi măng	EFSRNxxx ETPKNxxx EISxxxxx Kxxxxxxx T04xxxx	2025 trở về sau	Mỹ; Pháp	Micropor t Orthoped ics Inc; Teknime d SAS	1. Lõi cầu lặn trên lớp đệm như gối tự nhiên (ball in socket), bán kính góc ổn định 0 - 90 độ. - 8 cỡ lõi cầu đùi: 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8 - Độ rộng mặt trên (A/P): 59mm, 61mm, 64mm, 66mm, 70mm, 73mm, 77mm, 80mm - Độ dài mặt trên (M/L): 51mm, 54mm, 57mm, 60mm, 64mm, 68mm, 72mm, 76 mm 2. Mâm chày: Mâm chày phải cho chân phải và trái cho chân trái. - Có 11 kích cỡ (size): 1, 2, 2+, 3, 4, 5, 6, 6+, 7, 8, 8+ - Độ rộng mặt trên (A/P): gồm các cỡ 40mm, 43mm, 46mm, 49mm, 52mm, 55mm, 58mm, 61mm, 64mm - Độ dài mặt trên (M/L) gồm các cỡ: 54mm, 58mm, 62mm, 66mm, 70mm, 74mm, 78mm, 82mm, 86mm. - Chiều dài thân (Stem Length): 31; 34; 38; 41mm 3. Lớp đệm: Chất liệu UHMWPE có 6 độ dày gồm: 10mm; 12mm; 14mm; 17mm; 20mm; 24mm. 4. Bánh chè: chất liệu UHMWPE, 3 chân. Có kích cỡ về độ dày và đường kính: 26 x 8,0 mm; 29 x 8,0mm; 32 x 8,0 mm; 35 x 8,0 mm; 38 x 10 mm; 41 x 11,0 mm. 5. Xi măng: Xi măng: Xi măng được đóng gói gồm: Một ống chất lỏng monomer 14.4g và 16.4g vỏ trùng và một gói bột polymer 40g * Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. Xi măng tiêu chuẩn: ISO 13485 * Xuất xứ các nước: Mỹ; Pháp	5 cái/bộ	Bộ	30	56.000.000	1.680.000.000	-	N06.04.053	9021	CÔNG TY TNHH TRANG THIẾT BỊ Y TẾ B.M.S
47	PP26000 17269	Khớp gối toàn phần tùy chỉnh	Khớp gối toàn phần ORIGIN PS tùy chỉnh	5000 1100; 5000 2100/ 5000 2300; 5000 3100/ 5000 3102; 5000 41xx	≥ 2025	Thụy Sĩ	Symbios Orthopéd ie SA	Khớp gối nhân tạo có xi măng thiết kế riêng cho từng bệnh nhân (custom made) kiểu ổn định cân bằng phía sau. Có thể là loại nguyên khối (monobloc) hoặc mô-đun (modular) với bốn tùy chọn độ dài chuỗi mở rộng cho xương chày. Bao gồm: vật tư cấy ghép tùy chỉnh và kèm theo bộ dụng cụ tùy chỉnh cho từng bệnh nhân loại dùng một lần, tiết trùng. 1. Lõi cầu xương đùi có xi măng: - Chất liệu: Cobalt-chrome (CoCrMo-ISO 5832-4) 2. Mâm chày có xi măng: - Chất liệu: Thiết kế nguyên khối (modular) có xi măng tùy chỉnh cho nền tảng cố định, với gờ vẩy một mảnh/ hoặc loại mô-đun (modular) có xi măng kèm theo chuỗi lắp sẵn, chất liệu: hợp kim titan (Ti6Al4V-ISO 5832-3) 3. Đệm mâm chày: - Chất liệu: Polyethylene (UHMWPE-ISO 5834-2) - Thiết kế tùy chỉnh, có 2 độ dày: +0 mm; + 2 mm 4. Bánh chè: Được lập kế hoạch chọn lựa kích thước thông qua KNEE-PLAN. Có 5 kích cỡ: XS, S, M, L, XL - Tiêu chuẩn ISO 13485, EU (châu Âu)	Bộ/Hộp	Bộ	2	149.000.000	298.000.000	N06.04.053.525 0.274.0001	9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MỸ TÂM	

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
48	PP26000 17270	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương	Khớp gối loại một ngăn bảo tồn xương Unicondylar Sled	(15-20xxxx; 15-xxxxxx)	2023 trở về sau	Đức	Waldemar Link GmbH & Co. KG	01. Phần xương đùi: Bảng hợp kim Cobalt Chromium Alloy, tương thích giải phẫu học xương đùi, kích thước small (16x40mm), medium-small (17x46mm), medium (18x52mm), large (20x60mm). Có các lỗ cầu phù đều bề mặt tăng tối đa độ bám giữa implant và xi măng. 02. Phần xương chày: Thiết kế đối xứng dùng được cho cả ngăn trong và ngăn ngoài, có 2 loại: -Loại metal backed (kim loại mặt dưới) dày (8,9,11,13mm) và đường kính (45,50,55mm). Có các lỗ cầu phù đều bề mặt tăng tối đa độ bám giữa implant và xi măng. - Loại toàn phần polyethylene: dày (7,9,11,13mm) và đường kính (45,50,55,58mm). * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha.	Cái/Hộp	Bộ	5	54.000.000	270.000.000	N06.04.053.532 5.155.0001	N06.04.053	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
49	PP26000 17271	Chi bện không tiêu dùng trong phẫu thuật nội soi	Chi không tiêu ULTRAB RAID	7210914, 7210915	Từ năm 2025 trở về sau	Mexico	Cơ sở sản xuất: Teleflex Medical de Mexico, S. de R.L. de C.V Hãng sở hữu (Legal Manufacturer): Smith & Nephew, Inc. Endoscopy	- Chi không tiêu số 2 kèm kim, kim có hình dạng bán nguyệt, chiều dài kim 27mm. - Chất liệu: Polyethylene khối lượng phân tử siêu cao - (UHMW) polyethylene và polypropylene. Chiều dài chi khâu 96,52 cm (tương đương 38 inch) - Sức căng 227N, độ bền kéo 138N * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	300	1.500.000	450.000.000	N05.02.030.388 4.213.0001		9021 9000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
50	PP26000 17272	Chi dẹt siêu bền	Chi khâu gân	AR-7237	Từ 2024	Anh	Pearsalls Ltd	Chi siêu bền đa sợi có lõi làm bằng chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và được bọc ngoài bằng lớp bên của Polyester và UHMWPE giúp cho chi khâu siêu chắc chắn, linh hoạt và chống mài mòn, phù hợp cho các ca phẫu thuật chấn thương chỉnh hình Chi dẹt 2mm và được bện 2 đầu bằng chỉ tròn Fibewire giúp thao tác dễ dàng Chi có 2 màu xanh hoặc trắng đen giúp dễ dàng phân biệt Chiều dài sử dụng khoảng 91 cm (36 inch) Lực tải tối đa là 756N Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	20	4.200.000	84.000.000	N05.02.040.027 0.175.0002	N05.02.040	3006	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
51	PP26000 17273	Đầu đốt bằng sóng Radio frequency (dao RF), các cỡ	Đầu đốt bằng sóng radio	AR-9811	Từ 2024	Costa Rica	Viant Costa Rica, S.A.	Vật liệu: Thân đầu đốt được làm bằng thép không rỉ 304, điện cực được làm bằng thép không rỉ 316L, vỏ đầu đốt làm bằng Polymer HIPS PH88 và phần hút bọt phẫu thuật được làm bằng Ceramic Sử dụng công nghệ sóng radio lưỡng cực (Bipolar RF) giúp cắt và cầm máu mô mềm nhanh chóng. Đầu đốt 90 độ giúp dễ dàng tiếp cận mô một cách nhanh chóng. Dễ dàng sử dụng và điều khiển bằng tay. Chỉ một mặt điện cực hoạt động nên cho phép thời gian sử dụng bền. Có 6 cổng để hút một cách hiệu quả, loại bỏ bọt nước trong phẫu thuật. Chiều dài 160mm, đường kính 3.75mm Có chế độ tự ngắt khi phát hiện gần ống soi hoặc dụng cụ bằng kim loại giúp tránh hỏng dụng cụ và tai biến trong phẫu thuật. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	200	7.700.000	1.540.000.000	N05.03.060.432 0.146.0001	N05.03.060	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
52	PP26000 17274	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy	Dây dẫn nước dùng trong nội soi khớp	AR-6410	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Bộ dây dẫn bơm tưới hoạt dịch trường mổ ổ khớp, đóng gói tiệt trùng. Chiều dài dây nước tính từ máy là 16ft (khoảng 4.8 m). Có khóa Luer trên thân để điều chỉnh chiều dài dây. Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	200	1.500.000	300.000.000		N07.06.080		CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
53	PP26000 17275	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy bơm nước có hộp điều khiển cầm bên	Bộ dây bơm nước DYNONIC S 25 dùng trong phẫu thuật	7211004	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Smith & Nephew Inc., Endoscopy Division	Dây nước sử dụng trong phẫu thuật nội soi khớp chất liệu plastic. Lưu lượng nước lên tới 2.5l/phút, có hộp điều khiển. Tổng chiều dài 2 dây: 5.3m * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	1.800.000	360.000.000	N07.06.080.388 4.175.0001		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
54	PP26000 17276	Dây dẫn nước trong nội soi chạy bằng máy bơm nước	Dây bơm nước nội soi	4170223	≥ 2025	Đức	Richard Wolf GmbH	*Chất liệu liệu: nhựa (PVC) * Kích cỡ: Dài 3m * Đặc tính: Dây sử dụng cho máy bơm nước FLUID control sử dụng cho mổ nội soi khớp. Bộ chip điều khiển được dòng nước : Tốc độ đến 2lít/1 phút và áp lực dòng chảy tới 200 mmHg, có thể điều chỉnh bằng màn hình cảm ứng hay cài chế độ tự động cho từng chế độ : nội soi khớp gối, nội soi khớp vai, nội soi cột sống, khớp nhỏ. * Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/gói	Cái	200	1.350.000	270.000.000	N04.03.010.3629.155.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
55	PP26000 17277	Lưỡi bảo khớp các loại, các cỡ	Lưỡi bảo ô khớp 4.5mm / 130mm / lưỡi bén 2 bên	499750334	≥ 2025	Đức	Richard Wolf GmbH	Lưỡi bảo khớp dùng một lần, tiết trùng. - Chất liệu : Thép không rỉ, PEEK, SILIKON - Kích cỡ: Đường kính: 4.5 mm, dài 130mm, xoay 360 độ - Giao diện lớn, có vạch chia - Kiểu thiết kế cắt mạnh mẽ tích cực - Dùng với tay bảo có tốc độ vòng quay lên đến 16000 vòng/phút, tần số dao động lên đến 4Hz - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/gói	Cái	200	5.800.000	1.160.000.000	N05.03.060.3629.155.0021		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
56	PP26000 17278	Lưỡi bảo khớp đóng gói tiết trùng, thiết kế rộng nông, các cỡ	Lưỡi bảo cắt lọc mô dùng trong nội soi khớp, các loại	72200095; 7210976; 72200081; 7205345; 72200414; 72201513; 72201514; 72201507; 7205312; 7205459; 72200494	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Smith & Nephew Inc., Endoscopy Division	- Chất liệu thép không gỉ. - Có các loại đường kính 2.0mm, 2.9mm, 3.5mm, 4.5mm, 5.5mm. - Có các loại: thẳng, cong, dài, ngắn - Thiết kế răng vát ở cả hai mặt - Có tính năng khóa cửa sổ hút. Có hai chế độ cắt dao động. * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	4.550.000	910.000.000	N05.03.060		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
57	PP26000 17279	Lưỡi bảo khớp, các cỡ	Lưỡi bảo xương dùng trong nội soi khớp	AR-8xx0EX	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Vật liệu: Đầu lưỡi bảo bằng hợp kim không gỉ Đóng gói tiết trùng, dùng 1 lần. Sử dụng cho mô mềm diện rộng, sụn chêm, cắt bỏ hoạt dịch khớp gối, chóp xoay khớp vai. Đường kính có tối thiểu 3 loại: 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài 13cm Có đánh dấu bằng laser độ sâu trên thân lưỡi bảo, mỗi vạch cách nhau 5mm, độ sâu tối đa đo được là 35mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	200	4.500.000	900.000.000	N05.03.060		9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
58	PP26000 17280	Lưới cắt đốt mô bằng sóng radio cao tần	Đầu đốt lưỡng cực bằng sóng radio cao tần Super Turbo Vac 90	ASC4250-01	Từ năm 2025 trở về sau	Costa Rica	ArthroCare Corporation	- Đầu đốt dùng công nghệ Coblation, cắt ở nhiệt độ thấp. Phần cách nhiệt được phủ vật liệu polyethylene terephthalate - Tạo plasma dày 100 - 200µm giúp cắt đốt chính xác, tối thiểu tổn thương tới mô xung quanh - Có mạch bảo vệ ống kính, ngắt đầu đốt khi lại gần hoặc tiếp xúc với kim loại - Chiều dài làm việc: 13.7cm - Đầu mũi nghiêng 90 độ * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	200	6.350.000	1.270.000.000	N05.03.040.459 1.146.0002		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
59	PP26000 17281	Lưới cắt đốt nội soi	Lưới cắt đốt đơn cực loại cong 90 °	TM08433190	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	- Lưới cắt đốt đơn cực bằng sóng radio - Chất liệu: thân bằng thép không rỉ, đầu tip bằng titanium, tay cầm bằng nhựa PVC. - Kích cỡ: Gập góc 90 độ. Đường kính lưới 3.75mm, chiều dài 160mm, trong đó chiều dài trực là 135mm. - Đầu đốt với phạm vi rộng giúp cầm máu trong các phẫu thuật nội soi khớp vai, gối, khớp nhỏ. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	200	6.180.000	1.236.000.000	N05.03.090.5276.272.0003		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MỸ TÂM
60	PP26000 17282	Lưới dùng cho súng bắn chỉ chóp xoay khớp vai, các loại	Bộ kim và kẹp thu chỉ FIRSTPA SS	22-4036	Từ năm 2025 trở về sau	Costa Rica	ArthroCare Corporation	- Bộ kim và kẹp thu chỉ dùng cho súng khâu chóp xoay. - Kim tròn, uốn cong sẵn chất liệu nitinol. Mũi kim có rãnh để mang và bảo vệ chỉ. - Đạt tiêu chuẩn: CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	10	3.750.000	37.500.000	N00.00.000.459 1.146.0001		9018 9090	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
61	PP26000 17283	Troca nội soi khớp	Troca dùng trong nội soi khớp	AR-65xx	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	- Ống troca dẫn đường có ren xoắn, làm bằng nhựa trong suốt cho phép trực quan dụng cụ và chỉ khâu đi qua trong nội soi khớp - Có công bên có thể được sử dụng cho dòng tưới dịch chảy ra, nếu cần. - Kích cỡ có 3 loại: 6mm I.D. x 7 cm, 7mm x 7cm, 8.25mm x 7cm - Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	50	1.150.000	57.500.000	N08.00.470.027 0.175.0002	N08.00.470	9018	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
62	PP26000 17284	Vít chỉ neo kèm chỉ bản dẹt, cổ định không thắt nút	Vít neo khâu chóp xoay khớp vai EXCALIBUR II SCREW PEEK ANCHOR	TM05202255	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít neo sử dụng trong phẫu thuật nội soi khâu chóp xoay khớp vai, khâu dây chằng bên khớp gối. - Chất liệu: Peek, đã tiệt trùng kèm chỉ siêu bền chất liệu trọng lượng cao phân tử (UHMWPE) - Kích cỡ: Đường kính: 5.5 mm - Vít neo dễ dàng đóng với thiết kế mạnh mẽ ở đầu gần và thiết kế ren kép giúp gia tăng sự cố định ở xương xốp và vỏ xương. - Trục vít thiết kế rộng giúp ngăn ngừa các tác nhân nguy cơ trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	30	9.100.000	273.000.000	N07.06.040.527 6.272.0013		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
63	PP26000 17285	Vít cổ định dây chằng chất liệu peek	Vít cổ định dây chằng loại Interfix	TM0412xxxx	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít cổ định dùng trong phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng - Chất liệu: PEEK - Kích cỡ: đường kính 7-11 mm, dài 20, 25, 30mm - Vít cũng được sử dụng trong cổ định BTB (xương - gân - xương) và mô mềm. - Thiết kế ren toàn phần và đầu tù giúp bảo vệ mảnh ghép khỏi tổn thương trong quá trình cấy ghép. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	100	5.600.000	560.000.000	N07.06.040.527 6.272.0001		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
64	PP26000 17286	Vít cổ định dây chằng chéo tự tiêu có phủ HA sử dụng cho kỹ thuật 2 đường hầm	Vít cổ định dây chằng BIOSURE -HA	72201768; 72201769; 72201770; 72201771; 72201772; 72201773; 72201774; 72201775; 72201776; 72201777; 72201778	Từ năm 2025 trở về sau	Mỹ	Smith & Nephew Inc., Endoscopy Division	Sử dụng trong phẫu thuật tái tạo dây chằng chéo khớp gối. Có vít ren ngược phù hợp với gối phải. Đường kính: 6, 7, 8, 9, 10, 11 mm. Chiều dài: 20, 25, 30, 35 mm. Chất liệu: sinh học tự tiêu 75% poly-L-lactic acid PLLA kết hợp với 25% Hydroxyapatite (HA) * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO 13485	Cái/hộp	Cái	50	3.825.000	191.250.000	N07.06.040.388 4.175.0008		9021 9000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
65	PP26000 17287	Vít neo 4.75mm	Vít neo kèm chỉ	AR-2324BCC	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) Thiết kế các lỗ thông giúp kích thích mọc xương và lưu thông máu Đường kính neo 4.75mm x chiều dài 19.1mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	30	11.100.000	333.000.000	N07.06.040.027 0.175.0050	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
66	PP26000 17288	Vít neo cổ định dây chằng chéo, có thể điều chỉnh độ dài ngắn	Vít neo cổ định dây chằng chéo điều chỉnh được độ dài ULTRABUTTON	72290003	Từ năm 2025 trở về sau	Costa Rica	ArthroCare Corporation	- Kích thước: dài 12mm rộng 4mm dày 2mm; 8 lỗ - Chất liệu cốt: titanium - Chất liệu vòng treo: Ultrahigh Molecular Weight Polyethylene (UHMWPE). - Điều chỉnh được chiều dài vòng treo từ 10 – 105 mm - Đường kính chỉ vòng loop: 1.5 mm - Dùng 1 sợi chỉ polyester để kéo và lật - Sức căng tối đa > 1500N, độ di lệch < 2mm * Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	300	11.750.000	3.525.000.000	N07.06.040.459 1.146.0001		9021 9000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
67	PP26000 17289	Vít neo cổ định dây chằng loại Tăng cường	Vít neo cổ định dây chằng loại Jumbo Button	TM00130100	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít neo cổ định dây chằng tăng cường. - Dùng với sản phẩm vít neo Loopfix Button, Liffix và Ext Liftfix Button nhằm tăng cường đường kính của vít neo trong việc cố định vỏ xương. - Trong các biến chứng do giãn vỏ xương, nó được dùng với bất cứ vít neo nào nhằm làm tăng kích thước của các vít neo bình thường. - Có thể dùng cho các trường hợp mổ lại. - Kích cỡ: rộng 5mm, dài 15mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	100	4.600.000	460.000.000	N07.06.040.527 6.272.0006		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
68	PP26000 17290	Vít neo cổ định dây chằng tự điều chỉnh	Vít neo cổ định dây chằng tự điều chỉnh loại Ext Liftfix Button	TM00140100	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít neo cổ định dây chằng có thể điều chỉnh dùng cho nội soi tái tạo dây chằng có thể sử dụng trong kỹ thuật All inside và có thể kết hợp tăng cường chiều rộng lên 5mm, dài lên 15mm - Chất liệu: Bằng titanium, vòng treo chỉ UHMWPE UPS6. - Thiết kế 4 lỗ, dày 1-3mm, rộng 3-6mm, dài 10-14 mm, có thước đo tỷ lệ nhằm tạo thuận lợi cho phẫu thuật. - Lực kéo ≥ 1840 Newton. - Có hai sợi chỉ siêu bền riêng biệt dùng lật và kéo - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	300	9.990.000	2.997.000.000	N07.06.040.527 6.272.0005		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM
69	PP26000 17291	Vít neo cổ định khâu sụn chêm	Vít khâu sụn chêm Mfix, loại cong, all-in-side	TM00801102	≥ 2025	Thổ Nhĩ Kỳ	Tulpar	Vít khâu sụn chêm sử dụng kỹ thuật All-Inside - Chất liệu: Thép không gỉ, peek và chỉ siêu bền trọng lượng cao phân tử (UHMWPE). - Vít khâu có 2 nút thắt peek cấy chỉ, được thiết kế để dễ dàng làm bung chốt bằng nút điều khiển. - Có thước đo chiều sâu 10-20mm. - Đầu kim điều khiển dễ dàng với khả năng xoay. - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	150	6.350.000	952.500.000	N07.06.040.527 6.272.0016		9021	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MY TÂM

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
70	PP26000 17292	Vít neo kèm chỉ siêu bền dùng cho kỹ thuật khâu sụn viền có nút thắt	Vít neo kèm chỉ	AR-1934BCF-2	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Vít sử dụng vật liệu PLDLA kèm chỉ siêu bền fiberwire chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) Kích thước vít: 3 mm × 14.5 mm Lõi chỉ được thiết kế riêng cho khả năng thao tác và chịu lực vượt trội Lực tải tại mức dịch chuyển 3mm là 46 lbf (tải trọng động). Lực tải tối đa đạt 88lb Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	10	8.600.000	86.000.000	N07.06.040	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
71	PP26000 17293	Vít neo may chóp xoay đường kính 4.5mm và 5.5mm các cỡ loại 1	Vít chỉ neo đôi, tự tiêu TWINFIX ULTRA HA, các cỡ	72202597; 72202602; 72202631	Từ năm 2025 trở về sau	Costa Rica	Cơ sở sản xuất: ArthroCare Corporation Hãng sở hữu (Legal Manufacturer): Smith & Nephew, Inc. Endoscopy	Dùng trong phẫu thuật Nội soi khớp vai. Thiết kế ren cắt ở đầu xa giúp dễ đặt neo và ren khoá ở đầu gần chống bật neo. • Chất liệu PLLA - HA tự tiêu giúp tăng tốc độ liền xương, đã tiết trùng • Đường kính 4.5mm, 5.5mm và 6.5mm (kèm hai sợi chỉ Ultrabraid số 2). Chiều dài 18.7mm, 19.2mm, 19.2mm. Chỉ chất liệu UHMW polyethylene Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE (MDR), ISO 13485	Cái/hộp	Cái	15	5.590.000	83.850.000	N07.06.040.388 4.146.0012		9021 9000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING
72	PP26000 17294	Vít neo may chóp xoay đường kính 4.5mm và 5.5mm các cỡ loại 2	Vít chỉ khâu chóp xoay FOOTPRINT ULTRA PK	72202901; 72202902	Từ năm 2025 trở về sau	Costa Rica	Cơ sở sản xuất: ArthroCare Corporation Hãng sở hữu (Legal Manufacturer): Smith & Nephew, Inc. Endoscopy	Chất liệu: PEEK - OPTIMA, đã tiết trùng. Sử dụng trong khâu hàng ngoài chóp xoay khớp vai. Tay vận giới hạn mô men xoắn, đảm bảo chốt bên trong khoá chỉ vào thân neo. Thiết kế neo đóng với ren hình ngạnh móc ngang giúp chống bật neo và dễ đóng neo. Kích thước neo: 4.5mm và 5.5mm tương ứng đường kính 5.8mm và 6.7mm. Chiều dài tương ứng 20.4mm và 20.8mm. Cho phép điều chỉnh siết chỉ sau khi đặt neo. Đạt tiêu chuẩn: FDA, CE, ISO 13485	Cái/hộp	Cái	20	10.690.000	213.800.000	N07.06.040.388 4.146.0004		9021 9000	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT SING

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
73	PP26000 17295	Vít neo tự tiêu 2.9mm dùng cho kỹ thuật khâu sụn viền không nút thắt	Vít neo kèm chỉ	AR-2923BC	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Chất liệu BioComposite, kích thước 2.9 mm x 12.5 mm Vít neo được thiết kế đơn giản và chắc chắn cho các kỹ thuật phẫu thuật nội soi khớp vai Sử dụng cùng kỹ thuật không nút thắt giúp tiết kiệm thời gian và tránh sử dụng nút thắt chỉ trong ổ khớp Vít neo giúp chi khâu mô một cách độc lập trước khi cấy ghép Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	50	8.900.000	445.000.000	N07.06.040.027 0.175.0059	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
74	PP26000 17296	Vít neo tự tiêu 4.75mm kèm chỉ dệt siêu bền	Vít neo kèm chỉ	AR-2324BCCT/AR-2324BCCTT	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Vật liệu: Vít neo sử dụng chất liệu tự tiêu tương thích sinh học (BioComposite) Dùng đai chỉ neo để tăng cường độ vững chắc cho gân, dây chằng trong hơn 20 kỹ thuật không thắt nút khác nhau. Kèm vòng chỉ dệt trắng xanh hoặc trắng đen 2.0mm siêu bền, sử dụng cấu trúc chuỗi polyethylene dài, được gắn sẵn trên vít neo swivelock để khâu các mô mềm, gân, dây chằng. Chỉ dệt siêu bền có khả năng chống đào thải mô tốt hơn 27% so với các loại chỉ khác. Đường kính neo 4.75mm x chiều dài 19.1mm Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	20	13.400.000	268.000.000	N07.06.040.027 0.175.0058/ N07.06.040.027 0.175.0040	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
75	PP26000 17297	Vít treo cổ định khớp cùng đòn	Vít treo cổ định	AR-2270	Từ 2024	Mỹ	Arthrex, Inc.	Vít treo cổ định khớp cùng đòn được dùng cho các chấn thương xương nhỏ, những vị trí mà vít thường không được chỉ định. Vít treo được chỉ định cho các phẫu thuật cổ định xương - xương hoặc mô - xương, các phẫu thuật khâu gân hoặc dây chằng. Kích thước: 10 x 8 mm Chất liệu: Titanium Đạt tiêu chuẩn ISO13485, tiêu chuẩn Châu Âu (CE) và tiêu chuẩn FDA.	Cái/hộp	Cái	5	5.200.000	26.000.000	N07.06.040.027 0.175.0033	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI TOPLINE
76	PP26000 17298	Vít treo có kèm vòng chỉ siêu bền 4 điểm khóa	Vít chốt neo dây chằng điều chỉnh được độ dài ETButton 4 x 12mm	800900200	Từ năm 2025 trở về sau	China (PRC - People's Republic of China)	Hangzhou Rejoin Mastin Medical Device Co., Ltd	- Vật liệu: Titanium (Ti6Al4V ELI) - Kích thước chốt neo: 4 x 12 x 1.5mm - Chức năng: treo và cố định dây chằng chéo, tái tạo dây chằng các loại trong phẫu thuật nội soi khớp. - Bộ phận đi kèm: vòng treo thay đổi được độ dài mong muốn trong phạm vi từ 15mm - 150mm giúp chủ động điều chỉnh và lắp dây đường hầm bằng mảnh ghép và cơ chế tự khóa vòng kiểu initial/solid bao ngón tay với 2 vòng móc vào nhau giúp cố định chắc chắn và hạn chế dịch chuyển mảnh ghép. Vật liệu bằng sợi dệt siêu bền UHMWPE. Có 2 sợi chỉ siêu bền poly dùng để luồn số 2 màu trắng và sợi chỉ số 5 lật chốt ngang màu xanh (PET). - Khả năng chịu lực tải tối đa 1012N. - Đóng gói tiệt trùng - Tiêu chuẩn chất lượng: CE; ISO 13485	1 Cái/Hộp	Cái	150	9.500.000	1.425.000.000	N07.06.040.485 5.279.0004	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
77	PP26000 17299	Bộ xi măng cột sống có bóng nóng thân đốt sống	Bộ dụng cụ đồ xi măng có bóng size 2	1. T34A 2. K15B 3. A08A 4. C01A 5. F06A	2025 trở về sau	1.Hoa Kỳ 2.Mexico 3.Hoa Kỳ 4.Ý 5.Hoa Kỳ	1.Medtronic Mexico S. de R.L. de CV 2.Medtronic Mexico S. de R.L. de CV 3.Merit Medical Systems, Inc. 4.Tecres S.p.A. 5.Medtronic Mexico S. de R.L. de CV	Gồm 5 thành phần: 1. Kim chọc khoan thân sống (1 Bộ): - Vật liệu: Thép không gỉ và nhựa y tế. Có 2 cỡ đường kính đầu gần lớn (7G) đường kính ngoài 4.572mm và đầu xa nhỏ (10G) đường kính ngoài 3.404mm. Gồm 2 ống trocar dạng rỗng nông có vạch chia trên thân, 01 kim mũi vát với tay cầm nâu sẫm, 01 kim mũi kim cương với tay cầm màu tím, 01 mũi khoan thân sống, 02 dụng cụ đẩy 2. Bóng nóng thân đốt sống (2 Cái) Chịu lực tối đa 400psi, có 2 điểm cân quan kiểm soát độ sâu làm bằng vật liệu Platinum (90%) và Iridium (10%), dung tích tối đa lên tới 5cc 3. Bộ dụng cụ bơm bóng nóng (1 Cái): Dạng xanh có đồng hồ thể hiện áp lực qua màn hình LCD, áp lực bơm tối đa 400psi, Có 02 chế độ hiển thị là psi và atm 4. Xi măng sinh học kèm dung dịch pha (1 Gói) gồm: Bột xi măng: 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30% (cân quang), Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% và Dung dịch pha: 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (monomer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm 5. Dụng cụ đẩy xi măng (3 Cái) gồm: 01 ống rỗng nông và 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch đo độ sâu. Que đẩy có 2 đường kính đầu gần to, và đầu xa nhỏ để đi vào cuống sống. Vật liệu: Thép 304 và nhựa. Dung tích 1cc Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	5 chỉ tiết/ Bộ	Bộ	10	41.200.000	412.000.000	1.N07.06.030.30 47.213.0009 2.N07.06.030.30 47.213.0002 3.N07.06.030.30 82.175.0001 4.N07.06.030.41 27.292.0002 5.N07.06.030.30 47.213.0013	N07.06.030	1.9018 2.9018 3.9018 4.3006 5.9018	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
78	PP26000 17300	Bộ bơm xi măng tạo hình đốt sống không bóng	Bộ bơm xi măng tạo hình đốt sống không bóng	SV510-3001 SV510-3601 SV550-3501 SV121-01 01-0310	2025 trở đi	- Dụng cụ: Trung Quốc - Xi măng: Đức	- Dụng cụ: Hicren (Zhejiang) Medtech Co.,Ltd. - Xi măng: Osartis GmbH	Bộ đầy đủ bao gồm: * 02 Kim chọc dò đốt sống cán chữ T được thiết kế với 2 nông làm việc và có vạch chỉ dẫn định vị độ sâu. Mũi kim: Dạng vát/ kim cương/ Trocar. Các cỡ: • OD 3mm (11G): 118mm; 1.9mm • OD 3.6mm (10G): 116mm; 3.1mm * 01 kim đẩy xi măng. * 01 Bộ trộn xi măng xương: Bao gồm xi măng bơm xi măng và bộ trộn xi măng xương, đầu xi măng có nắp bảo vệ vô khuẩn dạng luer lock trước khi sử dụng. Tay cầm xi măng hình chữ T có ren dạng vân xoắn, có khả năng điều chỉnh tốc độ bơm xi măng. Dung tích chứa xi măng: 30ml - Bộ trộn xi măng xương (Bát trộn, que khuấy, phễu) * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha 24g gồm: thành phần bột xi: Poly (MMA): 10,95g; Poly (MA, MMA): 1,75g; Zirconium dioxide: 10,80g; Benzoyl peroxid: 0,50g; thành phần chất dẫn: MMA: 9,93ml; Dimethyl-p-toluidine: 0,07ml; Hydroquinone: 60 ppm. Tổng thời gian thao tác là 22 phút trong đó thời gian đóng là 9 phút. Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE	1 bộ/hộp	Bộ	5	13.498.000	67.490.000		N07.06.030	9018	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
79	PP26000 17301	Bộ bơm xi măng tạo hình đốt sống có bóng đơn	Bộ bơm xi măng tạo hình đốt sống có bóng	SV510-4201 SV530-4201 SV540-3501 SV211-18; SV211-26; SV215-100104; SV215-150104; SV215-200104 SV240-25 SV550-3501 SV121-01 01-0310	2025 trở đi	- Dụng cụ: Trung Quốc - Xi măng: Đức	- Dụng cụ: Hicren (Zhejiang) Medtech Co.,Ltd. - Xi măng: Osartis GmbH	Bộ đầy đủ bao gồm: * 02 kim chọc dò đốt sống cân chữ T được thiết kế với 2 nóng làm việc và có vạch chỉ dẫn định vị độ sâu. Mũi kim: Dạng vát/ kim cương/ Trocar. OD 4.2mm (8G): 125mm; 3.7mm * 02 kim nong tạo kênh phẫu thuật. OD 4.2mm (8G), dài 125.5mm * 02 kim khoan tạo đường hầm vào thân đốt sống có Đường kính: 3.5mm tương thích Kim chọc dò/Kim nong 8G * 01 Bóng nong có tối thiểu 5 cỡ bao gồm: 10mm - 15mm - 18mm - 20mm - 26mm. Dung tích bơm tối đa: 3ml-6ml; Áp suất bơm tối đa: 400psi (~27 bar) * 01 Xi lanh bơm phồng bóng, có đồng hồ hiển thị áp lực bơm bóng, áp suất tối đa: 400psi/30ATM. * 05 kim đẩy xi măng. * 01 Bộ trộn xi măng xương: Bao gồm xi lanh bơm xi măng và bộ trộn xi măng xương, đầu xi lanh có nắp bảo vệ vô khuẩn dạng Luer Lock trước khi sử dụng. Tay cầm xi lanh hình chữ T có ren dạng vắn xoắn, có khả năng điều chỉnh tốc độ bơm xi măng. Dung tích chứa xi măng: 30ml - Bộ trộn xi măng xương (Bát trộn, que khuấy, phễu) * 01 Xi măng sinh học kèm dung dịch pha 24g gồm: thành phần bột xi: Poly (MMA): 10,95g; Poly (MA, MMA): 1,75g; Zirconium dioxide: 10,80g; Benzoyl peroxid: 0,50g; thành phần chất dẫn: MMA: 9,93ml; Dimethyl-p-toluidine: 0,07ml; Hydroquinone: 60 ppm. Tổng thời gian thao tác là 22 phút trong đó thời gian đóng là 9 phút. Tiêu chuẩn: ISO 13485; CE	1 bộ/hộp	Bộ	5	23.000.000	115.000.000		N07.06.030	9018	CÔNG TY TNHH CÔNG NGHỆ CAO VỀ THIẾT BỊ Y TẾ ANH NGỌC
80	PP26000 17302	Nẹp cột sống cổ trước liên đĩa đệm, các cỡ (Kèm 2 vít tự khoan)	Miếng ghép đĩa đệm PEEK nghiêng kèm Vít cột sống cổ trước tự khoan hai bước ren	1.G662xxxx 2.G662xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	1. Nẹp cổ trước liên đĩa đệm - Hình dáng: Hình thang, có răng 2 phía chống trượt, 2 lỗ dành cho bắt vít có ren xương cứng và ren xương xốp với vòng xoay khóa vít. - Vật liệu: PEEK - Kích thước: 15x12mm và 17x14mm - Chiều cao: 5-10mm - Độ dày: cạnh sau 2.5mm, cạnh bên 2.25mm, cạnh trước 3.8mm - Độ nghiêng khi bắt vít: + Dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-duôi 40 độ, Hướng ra ngoài 8 độ + Không dùng dụng cụ dẫn hướng: Hướng đầu-duôi 27-47 độ, Hướng ra ngoài 1-10 độ - Độ nghiêng Lordosis: 6 độ - Số điểm đánh dấu cân quang: 2 điểm bằng chất liệu hợp kim Titan - Khoảng ghép xương: 0.31cc - 0.97cc 2.- Vít tự khoan - Vật liệu: hợp kim Titanium - Được thiết kế với hai phần: ren xương cứng và ren xương xốp - Đường kính 3.5mm và 4.0mm - Chiều dài: 11mm, 13mm, 15mm - Vít 11mm có 4.24mm phần ren xương cứng - Vít 13mm và 15mm có 5.24mm phần ren xương cứng Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	2 hộp/ bộ hoặc 3 hộp/ bộ	Bộ	23	27.000.000	621.000.000	1.N06.04.020.30 55.175.0004 2.N07.06.040.30 55.175.0015	1.N06.04.020 2.N07.06.040	1.902 1 2.902 1	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ



ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
81	PP26000 17303	Bộ nội soi 2 cổng												-			CÔNG TY CỔ PHẦN MEDITRONIC
81.1	PP26000 17303	Đầu đốt sử dụng công nghệ RF trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng	Lưỡi bảo cắt đốt bằng sóng RF dùng trong nội soi cột sống	UPP200C/UPP200A / UPP201C/ UPP201A/ UPP210C/ UPP210A/ UPP300C/ UPP300A/ UPP400C/ UPP400A/ UPP500C/ UPP500A/ UPP600C/ UPP600A	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Endovision Co., Ltd	Đầu đốt sử dụng trong phẫu thuật cột sống bằng sóng RF với công nghệ plasma. Sử dụng để cắt và cầm máu với nhiệt độ: 40 độ - 70 độ. Đầu dao đốt có các loại 90 độ, 75 độ, góc xiên, móc và hình cong. Có thể được kích hoạt bằng bàn đạp chân. Đường kính thân có các loại 2,8mm, 3,2mm, 3,6mm, 4,1mm, 4,3 mm, có 2 cỡ chiều dài 135mm - 220mm. Có thể điều chỉnh 9 mức công suất sử dụng.	1 cái/ gói	Cái	30	12.500.000	375.000.000	-	N05.03.060	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN MEDITRONIC
81.2	PP26000 17303	Dây bơm nước trong phẫu thuật nội soi cột sống hai cổng	Dây nước cho máy bơm tưới	5201-63	2025 trở về sau	Ba Lan	Vimex Sp. Z o.o.	- Dây nước trong phẫu thuật nội soi chạy bằng máy, gồm một đoạn ống bơm cho dòng chất lỏng tưới được kiểm soát bằng áp suất. - Áp suất được kiểm soát bằng ống đo áp suất kết nối với máy bơm. - Tốc độ bơm 0,1 đến 2L/phút. Áp lực từ 10mmHg đến 150mmHg.	1 cái/ gói	Cái	30	1.500.000	45.000.000	-	N07.06.080	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN MEDITRONIC
81.3	PP26000 17303	Mũi mài xương dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 cổng	Mũi mài xương trong hệ thống máy mài dùng trong nội soi cột sống	UDB-20-13-40 UDB-30-13-40 UDB-40-13-40 UDB-50-13-40	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Endovision Co., Ltd	- Mũi khoan đầu tròn kim cương. - Thân dài 130mm, đường kính đầu 4mm. - Có tấm chắn bảo vệ, tấm chắn của trục sẽ bảo vệ dây thần kinh khỏi đầu mũi mài trong quá trình khoan.	1 cái/ gói	Cái	30	3.300.000	99.000.000	-	N05.03.060	9018	CÔNG TY CỔ PHẦN MEDITRONIC

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
82	PP26000 17304	Bộ cột sống qua da															CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
82.1	PP26000 17304	Nẹp dọc đa tầng qua da cỡ từ 70mm-120mm	Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng hợp kim Titanium	757xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Đường kính 5.5mm - Loại thẳng - Vật liệu: Titanium - Chiều dài từ 70mm - 120mm - 2 đầu tù đều có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ để luồn qua da. - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong qua da tự gãy có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi tự gãy là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	12	6.500.000	78.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
82.2	PP26000 17304	Nẹp dọc uốn sẵn	Nẹp dọc uốn sẵn bất qua da	867xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Titanium - Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm - Dài từ 30mm đến 95mm, bước tăng 5mm - Có 1 đầu tù để xuyên qua da, đầu còn lại có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ luồn qua da - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong cột sống thắt lưng qua da có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	36	5.000.000	180.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
82.3	PP26000 17304	Vít đa trục cột sống qua da, các cỡ	Vít đốt sống đa trục rỗng rỗng	757xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Vít thiết kế rỗng rỗng. - Đường kính: 5.5, 6.5 và 7.5mm. - Dài từ 30mm đến 50mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.75mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Dùng trong kỹ thuật mổ MAST (Minimal Access Spinal Technologies) - Tương thích với hệ thống định vị phẫu thuật NAVIGATION và hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm và ốc khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	120	7.000.000	840.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
82.4	PP26000 17304	Vít khóa trong cột sống qua da	Ốc khóa trong	7570955	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vận đủ lực. - Tổng chiều dài của vít khóa trong bao gồm phần bề vít: 10.38mm - Đường kính: 8.883mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm - Chiều dài của phần vít khóa trong không bao gồm phần bề vít: 4.65mm - Tương thích với vít cột sống thắt lưng đa trục rỗng nông công nghệ MAST và nếp dọc qua da đường kính 5.5mm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	120	1.500.000	180.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
83	PP26000 17305	Bộ cột sống đa trục 2 bước ren												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
83.1	PP26000 17305	Nếp dọc thẳng 500mm Cobalt Chrom	Nếp dọc thẳng cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	1475000500	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính 4.75mm, chiều dài 500mm, loại thẳng - Đồng bộ với vít đơn trục/ đa trục 2 bước ren và ốc khóa trong tự gãy có đường kính 7.863mm, chiều cao ban đầu 12.96mm, chiều cao còn lại sau khi vận đủ lực là 4.85mm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	20	5.000.000	100.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
83.2	PP26000 17305	Vít cột sống đa trục hai bước ren	Vít đa trục cột sống ngực lưng hai bước ren	548400xxxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium với mũ vít bằng Cobalt Chrome, đầu vuông miền bằng Titanium - Đường kính từ 4.0 đến 6.0mm với bước tăng 0.5mm và đường kính 6.5 đến 8.5mm với bước tăng 1mm, phân biệt được bằng màu sắc - Chiều dài từ 20mm-100mm - Chiều cao mũ vít 14.8mm - Chiều rộng phần mũ vít 10.43mm - Vít có 2 bước ren: phần ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và phần ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít - Đồng bộ với ốc khóa trong tự gãy có chiều cao ban đầu là 12.96mm và nếp dọc đường kính 4.75mm Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	84	7.700.000	646.800.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
83.3	PP26000 17305	Vít khóa trong cho vít 2 bước ren	Ốc khóa trong	5440030	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít có đặc tính với đầu tù giúp thao tác dễ dàng hơn - Công nghệ cánh ren ngược, tự ngắt khi vặn đủ lực - Đường kính: 7.863mm - Chiều cao ban đầu: 12.96mm - Chiều cao sau khi bẻ vít: 4.85mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 0.9mm - Đồng bộ với hệ thống vít đa trục/ đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc đường kính 4.75mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/ gói	Cái	84	2.000.000	168.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
84	PP26000 17306	Bộ cột sống 2 bước ren												-			CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
84.1	PP26000 17306	Ốc khóa trong, dạng mở	Reline - Ốc khóa trong, dạng mở	13550000	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Đầu vít khóa trong hình sao, khóa ngàm xoắn giúp giảm thiểu tối đa lực phát tán ngang lên đầu mũ vít và giảm việc treo ren khi bắt. - Chất liệu Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) - Đường kính 9.5mm và chiều cao 4.8mm - Tiêu chuẩn FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	110	1.050.000	115.500.000	N07.06.040.332 6.175.0085	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
84.2	PP26000 17306	Vít đa trục ren đôi	Reline Traction - Vít đa trục ren đôi	1311xxxx	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Vít được thiết kế với 2 loại ren trên cùng 1 thân vít là ren xương xốp và ren dành cho xương cứng. - Đầu vít khóa ngàm xoắn (mặt bích xoắn) giúp giảm tối thiểu phát tán lực ngang lên đầu vít và giảm việc lệch ren khi bắt ốc - Thân vít đường ren dẫn kép giúp giảm 1/2 số vòng vặn khi bắt vít so với vít ren đơn - Tăng sự chịu lực xoắn vặn, hạn chế bị nhỏ vít - Khoảng cách bước ren xương cứng 1,38mm - Khoảng cách bước ren xương xốp 2,75mm - Khoảng cách bước ren dẫn kép: 5.5mm - Đầu vít có thể tương thích với 3 loại đường kính nẹp dọc khác nhau gồm: 5.0mm, 5.5mm, 6.0mm - Đường kính: từ 4.0mm - 8.5mm - Chiều dài gồm các cỡ: 30mm - 60mm - Vít tự taro - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong quá trình phẫu thuật. - Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	110	7.500.000	825.000.000	N07.06.040.332 6.175.0050	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
84.3	PP26000 17306	Nẹp dọc Titan	Reline - Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật mổ mở	15355500	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Chất liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: 5.5mm - Chiều dài: 500mm - Có vạch chỉ dẫn chạy dọc trên nẹp - 1 đầu hình lục giác để dễ dàng xoay thành nôi dọc - Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	19	2.900.000	55.100.000	N07.06.040.332 6.175.0086	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
85	PP26000 17307	Bộ vít cột sống ngực lưng												-			CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
85.1	PP26000 17307	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại cong, độ uốn 8 độ	CoRoent LC - Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng loại cong, độ uốn 8 độ	6608125; 6609125; 6610125; 6611125; 6612125; 6613125; 6614125; 6608925; 6609925; 6610925; 6611925; 6612925; 6613925; 6614925	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	Đĩa đệm cột sống lưng, loại cong dùng trong phẫu thuật cột sống thắt lưng - Chất liệu polymer polyether ether ketone (peek). - Cao từ: 8mm - 14mm; rộng 9mm, 11mm; dài 25mm, góc nghiêng 8 độ. - Đầu thiết kế hình viên đạn. Có khoang ghép xương, trên đĩa đệm có điểm đánh dấu kiểm tra trên C- Arm - Thể tích ghép xương: Từ 0,38cc - 1,07cc Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	23	11.200.000	257.600.000	N06.04.020.332 6.175.0007	N06.04.020	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
85.2	PP26000 17307	Nẹp dọc dùng trong phẫu thuật mô mềm, Titan	Armada - Nẹp dọc Titan	8452500	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	Nẹp dọc tương thích với vít 2 bước ren. - Chất liệu: Hợp kim Titanium (Ti - 6Al-4V) - Đường kính : 5,5mm, dài 500mm Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	22	1.800.000	39.600.000	N07.06.040.332 6.175.0022	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
85.3	PP26000 17307	Nẹp nối ngang	Armada - Nẹp nối ngang chiều dài cố định	8450120; 8450122; 8450125; 8450127; 8450130; 8450132; 8450135; 8450137; 8450140; 8450145; 8450150; 8450155; 8450160	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Chiều dài: 20mm - 40mm bước tăng 2,5mm, chiều dài từ 40mm - 60mm với bước tăng đều 5mm. - Khóa nẹp ngang vào thanh nối dọc bằng cách xoay vít khóa cài với góc xoay là: 180 độ - Nẹp có thể được uốn để phù hợp với giải phẫu của từng bệnh nhân Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	11	9.000.000	99.000.000	N07.06.040.332 6.175.0027	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
85.4	PP26000 17307	Ốc khóa trong	Armada - Ốc khóa trong	8461100	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Chất liệu : Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đầu vít khóa trong hình sao, khóa ngầm xoắn giúp giảm thiểu tối đa lực phát tán ngang lên đầu mũ vít - Tương thích với vít đơn trục, đa trục - Đường kính ngoài 9,5mm Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/ Gói	Cái	110	750.000	82.500.000	N07.06.040.332 6.175.0041	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG

1006

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
85.5	PP26000 17307	Vít đa trục	Armada - Vít đa trục	845xxxx	2024 trở về sau	Mỹ	Nuvasive, Inc.	- Vít khóa ngàm xoắn (mặt bích xoắn) giúp giảm tối thiểu phát tán lực ngang lên đầu vít và giảm việc lệch ren khi bắt ốc - Thiết kế đầu vít với chiều cao đầu vít 16mm, chiều rộng đầu vít 11.3mm, chiều dài trên dưới (Phần mang thanh dọc) 9.7mm - Thân vít có 2 đường ren dẫn kép giúp giảm 1/2 số vòng vặn khi bắt vít so với vít ren đơn, tự tào. Các ren trên thân vít tạo ra 1 góc 60 độ - Vật liệu: Hợp kim Titan (Ti - 6Al-4V) - Đường kính: từ 4.0mm - 9.5mm - Chiều dài: từ 25mm - 60mm - Tương thích với hệ thống theo dõi thần kinh trong quá trình phẫu thuật. Tiêu chuẩn: FDA - Mỹ	1 Cái/Gói	Cái	110	4.800.000	528.000.000	N07.06.040.332 6.175.0036	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ CÔNG VÀNG
86	PP26000 17308	Cột sống thắt lưng															CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
86.1	PP26000 17308	Đĩa đệm nhân tạo cột sống dạng cong, các cỡ	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo	939xxxx	2025 trở về sau	Đức	Medtronic Sofamor Danek Deggendorf GmbH	- Vật liệu: PEEK - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25, 30mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước /sau : 10mm - Độ uốn: 6 độ - Diện tích bề mặt 133mm2 với chiều dài 25mm, 156mm2 với chiều dài 30mm - Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.17 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gần thẳng 0 độ hoặc gần nghiêng 15 độ - Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang(Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song) - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/hộp	Cái	75	12.000.000	900.000.000	-	N06.04.020	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
86.2	PP26000 17308	Nẹp dọc cổ định cột sống đường kính 5.5mm, các cỡ	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	869-021	2025 trở về sau	Costa Rica	Medtronic Medical Costa Rica S.R.L.	-Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó bao gồm đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	50	1.500.000	75.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
86.3	PP26000 17308	Ốc khóa trong tự gãy cho vít cột sống đơn trục/đa trục	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngực lưng	7540020	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vận đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	300	1.500.000	450.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
86.4	PP26000 17308	Vít cột sống đa trục, các cỡ	Vít cột sống đa trục	7544xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc. - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	300	5.500.000	1.650.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
87	PP26000 17309	Bộ nẹp khóa xương bàn ngón												-			Công ty TNHH MTV Khải Ca
87.1	PP26000 17309	Nẹp khóa đường kính vít 1.5mm	Nẹp khóa đường kính vít 1.5mm	29476504; 29476506 29475906	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Titanium - Nẹp thẳng 4/6 lỗ; chiều dài 23/36mm; dày 1mm; rộng 4.3mm - Nẹp lồi cầu 2 lỗ đầu; 6 lỗ thân; dày 1mm; rộng 4.3mm; dài 36.3mm - Dùng vít khóa 1.5mm tự taro - Trợ cụ tương thích - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái/Gói	Cái	10	3.200.000	32.000.000	N07.06.040.071 4.279.0286 N07.06.040.071 4.279.0365	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
87.2	PP26000 17309	Vít khóa đường kính 1.5mm, đầu ngói sao, tự taro	Vít khóa đường kính 1.5mm, đầu ngói sao, tự taro	39475806; 39475807; 39475808; 39475809; 39475810; 39475811; 39475812; 39475813; 39475814; 39475816; 39475818; 39475820; 39475822; 39475824	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính lõi 1.1mm - Chiều dài từ 6mm - 24mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	Cái/Gói	Cái	50	500.000	25.000.000	N07.06.040.071 4.279.0351	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
88	PP26000 17310	Bộ nẹp khóa xương đùi, chất liệu titan												-			CÔNG TY TNHH XUÂN VY
88.1	PP26000 17310	Nẹp khoá đầu dưới xương đùi	4.5/5.0 mm Nẹp khóa đầu dưới xương đùi	IMA-LP033L05 IMA-LP033L06 IMA-LP033L07 IMA-LP033L09 IMA-LP033L11 IMA-LP033L13 IMA-LP033L15 IMA-LP033R05 IMA-LP033R06 IMA-LP033R07 IMA-LP033R09 IMA-LP033R11 IMA-LP033R13 IMA-LP033R15	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5.0 mm và vít vò, tự taro, đường kính 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-15 lỗ tương ứng với chiều dài từ 156 - 356 mm - Chiều dày nẹp 6.3 mm, chiều rộng thân nẹp 17.5 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Tương thích với bộ trợ cụ đi kèm - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	5	7.800.000	39.000.000	N07.06.040.097 2.000.0033.(001 -014)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
88.2	PP26000 17310	Nẹp khoá đầu trên xương đùi	4.5/5.0 mm Nẹp khóa đầu trên xương đùi	IMA-LP031L06 IMA-LP031L08 IMA-LP031L10 IMA-LP031R06 IMA-LP031R08 IMA-LP031R10	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa đầu trên xương đùi: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5 mm và vít vò, tự taro, đường kính 4.5 mm - Đầu nẹp sử dụng vít khóa rộng ruột đường kính 7.3mm và vít khóa, tự taro, đường kính 5.0mm - Nẹp có các kích cỡ 6-10 lỗ tương ứng với chiều dài từ 210 - 282 mm - Chiều rộng nẹp 18.8mm - Độ dày nẹp 6.0mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	5	7.140.000	35.700.000	N07.06.040.097 2.000.0029.(001 -006)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
88.3	PP26000 17310	Nẹp khoá bản rộng	4.5/5.0 mm Nẹp khóa bản rộng	IMA-LP032N05 IMA-LP032N06 IMA-LP032N07 IMA-LP032N08 IMA-LP032N09 IMA-LP032N10 IMA-LP032N11 IMA-LP032N12 IMA-LP032N13 IMA-LP032N14 IMA-LP032N15 IMA-LP032N16	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa bản rộng: - Nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5 mm và vít vò, tự taro, đường kính 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-16 lỗ tương ứng với chiều dài từ 98 - 296 mm - Chiều rộng nẹp 17.5 mm - Độ dày nẹp 5.4 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	5	4.200.000	21.000.000	N07.06.040.097 2.000.0004.(001 -012)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
88.4	PP26000 17310	Vít khoá 5.0mm	5.0 mm Vít khoá tự taro	IMA-50LOT012 IMA-50LOT014 IMA-50LOT016 IMA-50LOT018 IMA-50LOT020 IMA-50LOT022 IMA-50LOT024 IMA-50LOT026 IMA-50LOT028 IMA-50LOT030 IMA-50LOT032 IMA-50LOT034 IMA-50LOT036 IMA-50LOT038 IMA-50LOT040 IMA-50LOT042 IMA-50LOT044 IMA-50LOT046 IMA-50LOT048 IMA-50LOT050 IMA-50LOT055 IMA-50LOT060 IMA-50LOT065 IMA-50LOT070 IMA-50LOT075 IMA-50LOT080 IMA-50LOT085 IMA-50LOT090	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khoá tự taro 5.0 mm: - Chiều dài vít từ 12 - 90 mm (12 - 50 mm, bước tăng 2 mm, từ 50 - 90 mm bước tăng 5 mm) - Đường kính ngoài 5.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 4.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	100	400.000	40.000.000	N07.06.040.097 2.000.0010.(001-028)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
88.5	PP26000 17310	Vít khoá 7.3mm rộng ruột ren toàn phần	7.3 mm Vít khoá rộng ruột ren toàn phần, Tự taro	IMA-73CLF020 IMA-73CLF025 IMA-73CLF030 IMA-73CLF035 IMA-73CLF040 IMA-73CLF045 IMA-73CLF050 IMA-73CLF055 IMA-73CLF060 IMA-73CLF065 IMA-73CLF070 IMA-73CLF075 IMA-73CLF080 IMA-73CLF085 IMA-73CLF090 IMA-73CLF095 IMA-73CLF100 IMA-73CLF105 IMA-73CLF110 IMA-73CLF115 IMA-73CLF120	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khoá rộng ruột ren toàn phần, tự taro 7.3 mm: - Chiều dài vít từ 20 - 120 mm, bước tăng 5 mm - Đường kính ngoài 7.3 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 5.5 ± 0.05 mm - Đường kính lỗ rộng: 2.7 ± 0.05 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	15	800.000	12.000.000	N07.06.040.097 2.000.0007.(001-021)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
89	PP26000 17311	Bộ nẹp khóa xương chày, chất liệu titan															CÔNG TY TNHH XUÂN VY
89.1	PP26000 17311	Nẹp khoá trước bên đầu dưới xương chày	3.5 mm Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày	IMA-LP043L05 IMA-LP043L07 IMA-LP043L09 IMA-LP043L11 IMA-LP043R05 IMA-LP043R07 IMA-LP043R09 IMA-LP043R11	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-11 lỗ tương ứng với chiều dài từ 82 - 160 mm - Chiều rộng nẹp 14 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/túi	Cái	10	6.600.000	66.000.000	N07.06.040.097 2.000.0002.(001-008)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
89.2	PP26000 17311	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt ngoài	4.5/5.0 mm Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài	IMA-LP141L05 IMA-LP141L07 IMA-LP141L09 IMA-LP141L11 IMA-LP141R05 IMA-LP141R07 IMA-LP141R09 IMA-LP141R11	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5.0 mm và vít vô, tự taro, đường kính 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-11 lỗ tương ứng với chiều dài từ 143 - 263 mm - Chiều rộng nẹp 17.5 mm - Độ dày nẹp 5.0 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/túi	Cái	15	6.600.000	99.000.000	N07.06.040.097 2.000.0003.(001-008)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
89.3	PP26000 17311	Nẹp khoá trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ	3.5 mm Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ	IMA-LP143L04 IMA-LP143L06 IMA-LP143L08 IMA-LP143L10 IMA-LP143L12 IMA-LP143R04 IMA-LP143R06 IMA-LP143R08 IMA-LP143R10 IMA-LP143R12	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 4-12 lỗ tương ứng với chiều dài từ 109 - 213 mm - Chiều rộng nẹp 15 mm - Độ dày nẹp 4.0mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Tương thích với bộ trợ cạy đi kèm - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/túi	Cái	2	6.600.000	13.200.000	N07.06.040.097 2.000.0009.(001-010)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
89.4	PP26000 17311	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong	3.5 mm Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong	IMA-LP041L04 IMA-LP041L06 IMA-LP041L08 IMA-LP041L10 IMA-LP041R04 IMA-LP041R06 IMA-LP041R08 IMA-LP041R10	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khoá đầu trên xương chày mặt trong: - Thân nẹp sử dụng vít khoá, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 4-10 lỗ tương ứng với chiều dài từ 93 - 171 mm - Chiều rộng ≥ 11.7mm - Độ dày ≥ 4.0 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	5	6.600.000	33.000.000	N07.06.040.097 2.000.0001.(001-008)	9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY	
89.5	PP26000 17311	Vít khoá 5.0mm	5.0 mm Vít khoá tự taro	IMA-50LOT012 IMA-50LOT014 IMA-50LOT016 IMA-50LOT018 IMA-50LOT020 IMA-50LOT022 IMA-50LOT024 IMA-50LOT026 IMA-50LOT028 IMA-50LOT030 IMA-50LOT032 IMA-50LOT034 IMA-50LOT036 IMA-50LOT038 IMA-50LOT040 IMA-50LOT042 IMA-50LOT044 IMA-50LOT046 IMA-50LOT048 IMA-50LOT050 IMA-50LOT055 IMA-50LOT060 IMA-50LOT065 IMA-50LOT070 IMA-50LOT075 IMA-50LOT080 IMA-50LOT085 IMA-50LOT090	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khoá tự taro 5.0 mm: - Chiều dài vít từ 12 - 90 mm (12 - 50 mm, bước tăng 2 mm, từ 50 - 90 mm bước tăng 5 mm) - Đường kính ngoài 5.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 4.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	100	400.000	40.000.000	N07.06.040.097 2.000.0010.(001-028)	9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY	

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
89.6	PP26000 17311	Vít khoá 3.5mm	3.5 mm Vít khoá tự taro	IMA-35LOT012 IMA-35LOT014 IMA-35LOT016 IMA-35LOT018 IMA-35LOT020 IMA-35LOT022 IMA-35LOT024 IMA-35LOT026 IMA-35LOT028 IMA-35LOT030 IMA-35LOT032 IMA-35LOT034 IMA-35LOT036 IMA-35LOT038 IMA-35LOT040 IMA-35LOT042 IMA-35LOT044 IMA-35LOT046 IMA-35LOT048 IMA-35LOT050 IMA-35LOT052 IMA-35LOT054 IMA-35LOT056 IMA-35LOT058 IMA-35LOT060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 3.5 mm: - Chiều dài từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 3.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	200	400.000	80.000.000	N07.06.040.097 2.000.0008.(001-025)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
90	PP26000 17312	Bộ nẹp khóa xương đòn, chất liệu titan															CÔNG TY TNHH XUÂN VY
90.1	PP26000 17312	Nẹp khoá xương đòn chữ S	3.5 mm Nẹp Khóa xương đòn chữ S	IMA-LP152L05 IMA-LP152L06 IMA-LP152L07 IMA-LP152L08 IMA-LP152R05 IMA-LP152R06 IMA-LP152R07 IMA-LP152R08	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa xương đòn chữ S: - Nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vỏ, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-8 lỗ tương ứng với chiều dài từ 73 - 117 mm - Chiều rộng nẹp 11mm - Độ dày nẹp 3.0 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	25	4.400.000	110.000.000	N07.06.040.097 2.000.0013.(001-008)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
90.2	PP26000 17312	Nẹp khoá móc đầu xa xương đòn	3.5 mm Nẹp khóa xương đòn có móc	IMA-LP151L03 IMA-LP151L04 IMA-LP151R03 IMA-LP151R04	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa xương đòn có móc: - Sử dụng vít khóa, tự tào, đường kính 3.5 mm và vít vò, tự tào, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 3-4 lỗ tương ứng với chiều dài từ 69 - 85 mm - Chiều rộng nẹp 10.7 mm - Độ dày nẹp 4.0mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	15	4.400.000	66.000.000	N07.06.040.097 2.000.0026.(001-004)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
90.3	PP26000 17312	Vít khoá 3.5mm	3.5 mm Vít khóa tự tào	IMA-35LOT012 IMA-35LOT014 IMA-35LOT016 IMA-35LOT018 IMA-35LOT020 IMA-35LOT022 IMA-35LOT024 IMA-35LOT026 IMA-35LOT028 IMA-35LOT030 IMA-35LOT032 IMA-35LOT034 IMA-35LOT036 IMA-35LOT038 IMA-35LOT040 IMA-35LOT042 IMA-35LOT044 IMA-35LOT046 IMA-35LOT048 IMA-35LOT050 IMA-35LOT052 IMA-35LOT054 IMA-35LOT056 IMA-35LOT058 IMA-35LOT060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự tào 3.5 mm: - Chiều dài từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 3.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	200	400.000	80.000.000	N07.06.040.097 2.000.0008.(001-025)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
91	PP26000 17313	Bộ nẹp khóa xương quay, chất liệu titan												-			CÔNG TY TNHH XUÂN VY
91.1	PP26000 17313	Nẹp khoá mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 4 lỗ)	2.4 mm Nẹp khóa mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 4 Lỗ) ngoài khớp	IMA-LP023L03 IMA-LP023L05 IMA-LP023R03 IMA-LP023R05	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa mặt lồng đầu dưới xương quay: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 2.4 / 2.7 mm và vít vô, tự taro, đường kính 2.4 / 2.7 mm - Nẹp có các kích cỡ 3-5 lỗ tương ứng với chiều dài từ 48 - 66 mm - Chiều rộng nẹp 9.2 mm - Độ dày nẹp 2.2 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	15	4.300.000	64.500.000	N07.06.040.097 2.000.0021.(001-004)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
91.2	PP26000 17313	Nẹp khóa đầu dưới xương quay (Đầu 8 lỗ)	2.4 mm Nẹp khóa đỡ mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 8 Lỗ)	IMA-LP123L03 IMA-LP123L04 IMA-LP123L05 IMA-LP123R03 IMA-LP123R04 IMA-LP123R05	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa đỡ mặt lồng đầu dưới xương quay (Đầu 8 Lỗ): - Thân nẹp sử dụng vít khóa và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 3, 4 và 5 lỗ tương ứng với chiều dài từ 59 - 81 mm - Chiều rộng nẹp 10.4 mm - Độ dày nẹp 2.5 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	5	4.300.000	21.500.000	N07.06.040.097 2.000.0022.(001-006)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
91.3	PP26000 17313	Nẹp khóa bản nhỏ	3.5 mm Nẹp khóa bản nhỏ	IMA-LP022N05 IMA-LP022N06 IMA-LP022N07 IMA-LP022N08 IMA-LP022N09	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa bản nhỏ: - Nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vô, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 5-9 lỗ tương ứng với chiều dài từ 72 - 124 mm - Chiều rộng nẹp 11mm - Độ dày nẹp 3.5 mm - Vật liệu Titanium-6AL-4V Grade 23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	15	3.100.000	46.500.000	N07.06.040.097 2.000.0025.(001-005)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
91.4	PP26000 17313	Vít khoá 3.5mm	3.5 mm Vít khóa tự taro	IMA-35LOT012 IMA-35LOT014 IMA-35LOT016 IMA-35LOT018 IMA-35LOT020 IMA-35LOT022 IMA-35LOT024 IMA-35LOT026 IMA-35LOT028 IMA-35LOT030 IMA-35LOT032 IMA-35LOT034 IMA-35LOT036 IMA-35LOT038 IMA-35LOT040 IMA-35LOT042 IMA-35LOT044 IMA-35LOT046 IMA-35LOT048 IMA-35LOT050 IMA-35LOT052 IMA-35LOT054 IMA-35LOT056 IMA-35LOT058 IMA-35LOT060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 3.5 mm: - Chiều dài từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 3.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	200	400.000	80.000.000	N07.06.040.097 2.000.0008.(001-025)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
91.5	PP26000 17313	Vít khoá 2.7mm	2.7 mm Vít khóa tự taro	IMA-27LOT010 IMA-27LOT012 IMA-27LOT014 IMA-27LOT016 IMA-27LOT018 IMA-27LOT020 IMA-27LOT022 IMA-27LOT024 IMA-27LOT026 IMA-27LOT028 IMA-27LOT030	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 2.7 mm: - Chiều dài từ 10 - 30 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 2.7 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.1 ± 0.05 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	100	400.000	40.000.000	N07.06.040.097 2.000.0020.(001-011)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
92	PP26000 17314	Bộ nẹp khóa xương cánh tay, chất liệu titan												-			CÔNG TY TNHH XUÂN VY
92.1	PP26000 17314	Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay	3.5 mm Nẹp khoá đầu trên xương cánh tay	IMA-LP011N03 IMA-LP011N04 IMA-LP011N05	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay: - Thân nẹp sử dụng vít khóa và vít vò, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 3-5 lỗ tương ứng với chiều dài từ 92 - 116 mm - Chiều rộng nẹp 14 mm - Độ dày nẹp 3.5 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ túi	Cái	5	6.110.000	30.550.000	N07.06.040.097 2.000.0031.(001-003)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
92.2	PP26000 17314	Nẹp khoá mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ	2.7/3.5 mm Nẹp khoá mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ	IMA-LP013L03 IMA-LP013L05 IMA-LP013L07 IMA-LP013R03 IMA-LP013R05 IMA-LP013R07	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ - Thân nẹp sử dụng vít khóa và vít vò, tự taro, đường kính 3.5 mm - Đầu nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 2.4 / 2.7 mm - Nẹp có các kích cỡ 3-7 lỗ tương ứng với chiều dài từ 66 - 118 mm - Chiều rộng nẹp 11.5 mm - Độ dày nẹp 2.5 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái/ Gói	Cái	3	6.000.000	18.000.000	N07.06.040.097 2.000.0032.(001-006)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
92.3	PP26000 17314	Nẹp khoá bản hẹp	4.5/5.0 mm Nẹp khoá bản hẹp	IMA-LP012N07 IMA-LP012N08 IMA-LP012N09 IMA-LP012N10 IMA-LP012N11 IMA-LP012N12	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa bản hẹp: - Nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 5.0 mm và vít vò, tự taro, đường kính 4.5 mm - Nẹp có các kích cỡ 7-12 lỗ tương ứng với chiều dài từ 134 - 224 mm - Chiều rộng nẹp 14 mm - Độ dày nẹp 4.4 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	5	3.470.000	17.350.000	N07.06.040.097 2.000.0012.(001-006)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
92.4	PP26000 17314	Vít khoá 5.0mm	5.0 mm Vít khóa tự taro	IMA-50LOT012 IMA-50LOT014 IMA-50LOT016 IMA-50LOT018 IMA-50LOT020 IMA-50LOT022 IMA-50LOT024 IMA-50LOT026 IMA-50LOT028 IMA-50LOT030 IMA-50LOT032 IMA-50LOT034 IMA-50LOT036 IMA-50LOT038 IMA-50LOT040 IMA-50LOT042 IMA-50LOT044 IMA-50LOT046 IMA-50LOT048 IMA-50LOT050 IMA-50LOT055 IMA-50LOT060 IMA-50LOT065 IMA-50LOT070 IMA-50LOT075 IMA-50LOT080 IMA-50LOT085 IMA-50LOT090	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 5.0 mm: - Chiều dài vít từ 12 - 90 (12 - 50 mm, bước tăng 2 mm, từ 50 - 90 mm bước tăng 5 mm) - Đường kính ngoài 5.0 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 4.2 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	100	400.000	40.000.000	N07.06.040.097 2.000.0010.(001-028)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
92.5	PP26000 17314	Vít khoá 3.5mm	3.5 mm Vít khóa tự taro	IMA-35LOT012 IMA-35LOT014 IMA-35LOT016 IMA-35LOT018 IMA-35LOT020 IMA-35LOT022 IMA-35LOT024 IMA-35LOT026 IMA-35LOT028 IMA-35LOT030 IMA-35LOT032 IMA-35LOT034 IMA-35LOT036 IMA-35LOT038 IMA-35LOT040 IMA-35LOT042 IMA-35LOT044 IMA-35LOT046 IMA-35LOT048 IMA-35LOT050 IMA-35LOT052 IMA-35LOT054 IMA-35LOT056 IMA-35LOT058 IMA-35LOT060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 3.5 mm: - Chiều dài từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 3.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	200	400.000	80.000.000	N07.06.040.097 2.000.0008.(001-025)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
92.6	PP26000 17314	Vít khóa 2.4mm	2.4 mm Vít khóa tự taro	IMA-24LOT006 IMA-24LOT008 IMA-24LOT010 IMA-24LOT012 IMA-24LOT014 IMA-24LOT016 IMA-24LOT018 IMA-24LOT020 IMA-24LOT022 IMA-24LOT024 IMA-24LOT026 IMA-24LOT028 IMA-24LOT030	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 2.4 mm: - Chiều dài vít từ 6 - 30 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 2.4 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 1.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	50	400.000	20.000.000	N07.06.040.097 2.000.0019.(001-013)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
93	PP26000 17315	Bộ nẹp khóa xương mác, chất liệu titan															CÔNG TY TNHH XUÂN VY
93.1	PP26000 17315	Nẹp khóa xương mác	3.5 mm Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác	IMA-LP243R04 IMA-LP243R05 IMA-LP243R06 IMA-LP243R07	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác: - Thân nẹp sử dụng vít khóa, tự taro, đường kính 3.5 mm và vít vò, tự taro, đường kính 3.5 mm - Nẹp có các kích cỡ tương ứng với chiều dài từ 77 - 113 mm - Chiều rộng: 10.4 mm - Độ dày: 2.0 mm - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	1 cái / gói	Cái	10	4.400.000	44.000.000	N07.06.040.097 2.000.0024.(001-004)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY
93.2	PP26000 17315	Vít khóa 3.5mm	3.5 mm Vít khóa tự taro	IMA-35LOT012 IMA-35LOT014 IMA-35LOT016 IMA-35LOT018 IMA-35LOT020 IMA-35LOT022 IMA-35LOT024 IMA-35LOT026 IMA-35LOT028 IMA-35LOT030 IMA-35LOT032 IMA-35LOT034 IMA-35LOT036 IMA-35LOT038 IMA-35LOT040 IMA-35LOT042 IMA-35LOT044 IMA-35LOT046 IMA-35LOT048 IMA-35LOT050 IMA-35LOT052 IMA-35LOT054 IMA-35LOT056 IMA-35LOT058 IMA-35LOT060	Năm 2025 trở về sau	Việt Nam	Công ty CP Nhà máy Trang thiết bị Y tế USM Healthcare	Vít khóa tự taro 3.5 mm: - Chiều dài từ 12 - 60 mm, bước tăng 2 mm - Đường kính ngoài 3.5 ± 0.05 mm - Đường kính chân ren 2.9 ± 0.05 mm - Mũi vít có hai loại: lục giác và hình sao - Vật liệu Titanium Ti-6Al-4V Grade 5/23 theo tiêu chuẩn ASTM F136 - Đóng gói tiệt trùng bằng Ethylene oxide (EO 100% hoặc EO/CO ₂ tỉ lệ 20:80) - Giấy chứng nhận: ISO 13485:2016, ISO 14001:2015, ISO 9001:2015 - Nước sản xuất: Việt Nam	10 cái/ túi	Cái	200	400.000	80.000.000	N07.06.040.097 2.000.0008.(001-025)		9021	CÔNG TY TNHH XUÂN VY

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
94	PP26000 17316	Bộ nẹp khóa đa hướng gót chân												-			CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
94.1	PP26000 17316	Nẹp khóa đa hướng gót chân	Nẹp khóa đa hướng gót chân	9922034xx; (x = 0 → 9)	Từ năm 2025 trở về sau	Hungary	Mediox Orvosi Műszergyártó Kft	- Thiết kế nẹp mang tính giải phẫu làm tăng tối đa khả năng thích hợp với xương. Đặc tính cơ học của lỗ vít khóa - nén hình giọt nước kết hợp trên thân nẹp làm tăng khả năng chịu lực uốn bẻ 23% và tăng khả năng chống gãy mới 31% so với nẹp khóa - nén thông thường. - Chất liệu: Titanium tinh khiết nhóm 3 - Nẹp khóa đa hướng gót chân có độ dày nẹp 1.5mm (trái/phải), nẹp có các kích thước (chiều dài x chiều rộng): 51x35.3mm; 60x37.2mm; 68x36.5mm. - Sử dụng vít khóa đa hướng đường kính 3.5mm và vít vò đường kính 3.5mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 Cái/ Túi	Cái	10	6.800.000	68.000.000	N07.06.040.499 7.177.0048	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
94.2	PP26000 17316	Vít khóa đa hướng đường kính 3.5mm	Vít khóa đa hướng đường kính 3.5mm	9530035xx; (x = 0 → 9)	Từ năm 2025 trở về sau	Hungary	Mediox Orvosi Műszergyártó Kft	- Tương thích với hệ thống nẹp khóa đa hướng Mex, tự ta-rô, được thiết kế với góc khóa thay đổi 15 độ. - Đường kính 3.5mm - Chiều dài: từ 10 - 50mm (bước tăng 2mm) và 50 - 95mm (bước tăng 5mm) - Chất liệu: hợp kim Titanium (Ti6Al4V ELI) - Thiết kế đầu vít hình ngôi sao ngăn ngừa hỏng mũ vít với đường kính đầu vít 5.1mm, đường kính lõi 2.8mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE.	1 Cái/ Túi	Cái	60	468.000	28.080.000	N07.06.040.499 7.177.0038	N07.06.040	9021	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ HẢI ĐĂNG VÀNG
95	PP26000 17317	Bộ đinh nội tủy xương đùi												-			Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.1	PP26000 17317	Đinh nội tủy xương đùi ngắn Titanium Alloy đa phương tiện	Đinh nội tủy xương đùi ngắn Titanium Alloy đa phương tiện	32805017; 32805020; 32805024; 32803017; 32803020; 32803024; 32804017; 32804020; 32804024; 39591117; 39591120; 39591124	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính đầu đinh: 16.5mm - Đường kính thân đinh: 9.3/10/11/12mm - Chiều dài: 170/200/240mm, góc CCD (Góc vít và thân đinh) 130 độ - Đầu đinh hướng ra ngoài 5 độ phù hợp với góc cong mẫu chuyên lớn - Độ dày thành đinh (Một mặt: 2.5mm đối với đinh có đường kính 9.5mm; 2.75mm đối với đinh có đường kính 10mm; 3.25mm đối với đinh có đường kính 11mm; 3.75mm đối với đinh có đường kính 12mm) - Đường kính trong đinh: 4.5mm - Bán kính cong: R1600 - 2500 - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/ Gói	Cái	15	9.500.000	142.500.000	N07.06.040.071 4.279.0135	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
95.2	PP26000 17317	Nắp đỉnh xương đùi	Nắp đỉnh xương đùi	32806000 32806005 32806010 32806015	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Chiều dài gồm các cỡ: 0mm; 5mm; 10mm; 15mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/ Gói	Cái	15	360.000	5.400.000	N07.06.040.071 4.279.0082	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.3	PP26000 17317	Vít chốt cổ xương đùi	Vít chốt cổ xương đùi	32801070; 32801075; 32801080; 32801085; 32801090; 32801091; 32801092; 32801093; 32801094; 32801095; 32801096	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Chế độ khóa 1 lưỡi chống xoay (Anti-rotation blade) - Đường kính thân: 10.3mm - Đường kính trục: 8.3mm - Chiều dài từ: 70mm - 120mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/ Gói	Cái	15	2.490.000	37.350.000	N07.06.040.071 4.279.0131	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.4	PP26000 17317	Vít khóa đỉnh nội tủy dài các cỡ	Vít khóa đỉnh nội tủy dài các cỡ	33112025;33112030;3 3112035;33112040; 33112045;33112050;3 3112055;33112060; 33112065;33112070;3 3112075;33112080; 33112085;33112090;3 3112091;33112092; 33112093;33112094;3 3111025;33111030; 33111035;33111040;3 3111045;33111050; 33111055;33111060;3 3111065;33111070; 33111075;33111080;3 3111085;33111090	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính thân: 4.5/5.0mm - Đường kính lõi: 4/4.3mm - Chiều dài từ: 26mm - 90mm đối với vít có đường kính 4.5mm, chiều dài từ: 26mm - 110mm đối với vít có đường kính 5.0mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/ Gói	Cái	15	500.000	7.500.000	N07.06.040.071 4.279.0129	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
95.5	PP26000 17317	Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi đa phương diện. Vật liệu Titan	Đinh nội tủy rỗng nông xương đùi đa phương diện. Vật liệu Titan	33101232;33101234;33101236;33101238; 33101240;33101242;33101244;33101246; 33102232;33102234;33102236;33102238; 33102240;33102242;33102244;33102246; 33103232;33103234;33103236;33103238; 33103240;33103242;33103244;33103246; 33104232;33104234;33104236;33104238; 33104240;33104242;33104244;33104246; 33101132;33101134;33101136;33101138; 33101140;33101142;33101144;33101146; 33102132;33102134;33102136;33102138; 33102140;33102142;33102144;33102146; 33103132;33103134;33103136;33103138; 33103140;33103142;33103144;33103146; 33104132;33104134;33104136;33104138; 33104140;33104142;33104144;33104146	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính đầu: 13mm - Đường kính thân: 9.5mm, 10mm, 11mm, 12mm - Vị trí uốn cong đầu gần: 75mm - Khe nén lỗ kết hợp động: 6.5mm (đối với đinh có đường kính 9.5mm và 10mm); 7.5mm (đối với đinh có đường kính 11mm và 12mm) - Bán kính cong R3000 - Độ dày thành đinh (Một mặt: 5.0mm đối với đinh có đường kính 9.5mm và 10mm; 5.5mm đối với đinh có đường kính 11mm và 12mm) - Đường kính trong: 2.25mm đối với đinh có đường kính 9.5mm; 2.5mm đối với đinh có đường kính 10mm; 2.75mm đối với đinh có đường kính 11mm; 3.25mm đối với đinh có đường kính 12mm - Góc đinh chế độ xương đùi 130 độ (Chiều dài từ đầu đinh đến lỗ vít là 21mm) - Góc đinh chế độ tái tạo 135 độ (Chiều dài từ đầu đinh đến lỗ vít là 33mm; 47mm), khoảng cách giữa 2 vít chốt là 11mm - Vị trí chốt vít khóa đầu xa: Khoảng cách từ đầu dưới đinh đến 2 lỗ bắt vít lần lượt là 15mm, 40mm - Chiều dài từ: 320mm - 460mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	5	6.800.000	34.000.000	N07.06.040.071 4.279.0134	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.6	PP26000 17317	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nông. Vật liệu Titan	Vít chốt cổ xương đùi dùng với đinh nội tủy rỗng nông. Vật liệu Titan	33113065; 33113070; 33113075; 33113080; 33113085; 33113090; 33113091; 33113092; 33113093; 33113094; 33113095; 33113096; 33113097	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính thân: 6.3mm - Chiều dài từ: 65mm - 125mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	5	1.270.000	6.350.000	N07.06.040.07 14.279.0130	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
95.7	PP26000 17317	Vít chốt khóa đường kính 4.5-5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	Vít chốt khóa đường kính 4.5-5.0mm dùng với đinh nội tủy rỗng nòng	33112025;33112030;33112035;33112040;33112045;33112050;33112055;33112060;33112065;33112070;33112075;33112080;33112085;33112090;33112091;33112092;33112093;33112094;33111025;33111030;33111035;33111040;33111045;33111050;33111055;33111060;33111065;33111070;33111075;33111080;33111085;33111090	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính thân: 4.5/5.0mm - Đường kính lõi: 4/4.3mm - Chiều dài từ: 26mm - 90mm đối với vít có đường kính 4.5mm, chiều dài từ: 26mm - 110mm đối với vít có đường kính 5.0mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	15	500.000	7.500.000	N07.06.040.071 4.279.0129	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.8	PP26000 17317	Vít nắp đinh xương đùi dài các cỡ, chất liệu titan	Vít nắp đinh xương đùi dài các cỡ, chất liệu titan	33110000 33110005 33110010 33110015	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính: 13mm - Chiều dài gồm các cỡ: 0mm; 5mm; 10mm; 15mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	5	360.000	1.800.000	N07.06.040.071 4.279.0080	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.9	PP26000 17317	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện. Vật liệu Titan	Đinh nội tủy rỗng nòng xương chày đa phương diện. Vật liệu Titan	33140026; 33140028; 33140030; 33140032; 33140034; 33140036; 33140038; 33140040; 33140042; 33141026; 33141028; 33141030; 33141032; 33141034; 33141036; 33141038; 33141040; 33141042; 33142026; 33142028; 33142030; 33142032; 33142034; 33142036; 33142038; 33142040; 33142042; 33143026; 33143028; 33143030; 33143032; 33143034; 33143036; 33143038; 33143040; 33143042	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính đầu: 11.5mm - Đường kính thân: 8.3mm, 9mm, 10mm, 11.5mm - Độ uốn cong đầu gần (Herzog): 10 độ - Vị trí uốn cong đầu gần: 60mm - Góc uốn cong đầu xa: 4 độ - Bán kính cong R1000 - Độ dày thành đinh (1.5mm đối với đinh có đường kính 8.3mm; 2.0mm đối với đinh có đường kính 9mm; 2.5mm đối với đinh có đường kính 10mm; 2.75mm đối với đinh có đường kính 11.5mm) - Đường kính trong đinh 5.0mm đối với đinh có đường kính 8.3mm; 9mm; 10mm - Đường kính trong đinh 5.5mm đối với đinh có đường kính 11.5mm - Chiều dài đinh từ: 260mm - 420mm - Khoảng cách lỗ bắt vít đầu gần đinh đến các lỗ vít ở vị trí gần lần lượt là 15mm; 30mm; 40mm - Khoảng cách lỗ bắt vít đầu xa đinh đến các lỗ bắt vít ở vị trí xa lần lượt là 10mm; 25mm; 35mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	10	6.500.000	65.000.000	N07.06.040.07 14.279.0136	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca

luu

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
95.10	PP2600017317	Vít chốt khóa đường kính 4.5-5.0mm dùng với đinh nội tủy rộng nông	Vít chốt khóa đường kính 4.5-5.0mm dùng với đinh nội tủy rộng nông	33112025;33112030;33112035;33112040;33112045;33112050;33112055;33112060;33112065;33112070;33112075;33112080;33112085;33112090;33112091;33112092;33112093;33112094;33111025;33111030;33111035;33111040;33111045;33111050;33111055;33111060;33111065;33111070;33111075;33111080;33111085;33111090	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính thân: 4.5/5.0mm - Đường kính lõi: 4/4.3mm - Chiều dài từ: 26mm - 90mm đối với vít có đường kính 4.5mm, chiều dài từ: 26mm - 110mm đối với vít có đường kính 5.0mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	15	500.000	7.500.000	N07.06.040.0714.279.0129	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
95.11	PP2600017317	Nắp đỉnh chân & ngược dòng	Nắp đỉnh chân & ngược dòng	33144005 33144010 33144015	Từ 2025 trở về sau	Trung Quốc	Changzhou Kanghui Medical Innovation Co.,Ltd	- Chất liệu: Hợp kim Titanium - Đường kính 11.5 mm - Chiều dài nắp gồm các cỡ: 5mm; 10mm; 15mm - Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái/Gói	Cái	10	360.000	3.600.000	N07.06.040.0714.279.0081	N07.06.040	9021	Công ty TNHH MTV Khải Ca
96	PP2600017318	Bộ nẹp vis Răng hàm mặt cố định xương hàm trên												-			CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
96.1	PP2600017318	Nẹp titan cố định xương hàm trên	Nẹp mini thẳng, dày 1.0mm, Titanium	50-32-157	2025 trở về sau	Rebstock Instruments GmbH	Đức	- Chất liệu Titanium Grade 2 màu vàng - Nẹp hàm trên thẳng 4 lỗ - Đường kính 2.0mm, dày 1.0mm - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Bi 5 cái	Cái	8	550.000	4.400.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U
96.2	PP2600017318	Vít cố định xương hàm trên	*Vít mini tự khoan đường kính 2.0mm, Titanium *Vít mini tự taro đường kính 2.0mm, Titanium	50-32-3xx	2025 trở về sau	Rebstock Instruments GmbH	Đức	- Chất liệu Titanium - Đường kính 2.0mm - Chiều dài vít: từ 4mm - 12mm - Vít tự taro, đầu vạt vít dạng chữ thập (Phù hợp với tuốt-nơ-vít Rebstock) - Xuất xứ: G7 - Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	Bi 10 cái	Cái	40	270.000	10.800.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH K.A.L.H.U

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
97	PP26000 17320	Hệ thống nẹp vít phẫu thuật tạo hình cột sống cổ sau												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
97.1	PP26000 17320	Vít tạo hình bản sống	Vít tạo hình bản sống	853-xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ/ Costa Rica	Medtronic Sofamor Danek Manufacturing	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Đường kính: 2.6mm và 3.0mm - Chiều dài: 5, 7, 9 và 11 mm - Đầu vít tự Taro - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp tạo hình bản sống cổ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	20	2.000.000	40.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
97.2	PP26000 17320	Nẹp tạo hình bản sống	Nẹp tạo hình bản sống/ Nẹp tạo hình bản sống dạng cửa mở/ Nẹp tạo hình bản sống miệng rộng	853-xxx/ 853xxxWM	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Titanium - Nẹp hình chữ Z - Chiều dài từ 8-16mm/ bước tăng 2mm, có 4 lỗ bắt vít. - Đồng bộ với vít tạo hình tự taro đường kính 2,6mm và 3.0mm - Dùng cho phẫu thuật hẹp ống sống cổ lõi sau nhiều tầng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	4	8.000.000	32.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
97.3	PP26000 17320	Vít cột sống cổ đơn hướng tự ta rô	Vít cột sống cổ đơn hướng tự ta rô	312xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít đơn hướng tự Taro - Đường kính 4.0 mm, 4.5mm - Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm - Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	20	990.000	19.800.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
98	PP26000 17321	Hệ thống nẹp vít ngực, thắt lưng qua da (PT Mís, Chấn thương) Đường kính ≤ 5.5mm												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
98.1	PP26000 17321	Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng hợp kim Titanium	Nẹp dọc thẳng qua da cột sống ngực lưng hợp kim Titanium	757xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Đường kính 5.5mm - Loại thẳng - Vật liệu: Titanium - Chiều dài từ 130mm - 180mm - 2 đầu tù đều có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ để luồn qua da. - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong qua da tự gãy có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi tự gãy là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	10	6.500.000	65.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
98.2	PP26000 17321	Nẹp dọc uốn sẵn bắt qua da	Nẹp dọc uốn sẵn bắt qua da	867xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Titanium - Uốn cong sẵn, đường kính 5.5mm - Dài từ 30mm đến 95mm, bước tăng 5mm - Có 1 đầu tù để xuyên qua da, đầu còn lại có mẫu để gắn chặt vào dụng cụ luồn qua da - Đồng bộ với vít cột sống qua da và vít khóa trong cột sống thắt lưng qua da có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	18	5.000.000	90.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
98.3	PP26000 17321	Ốc khóa trong cho nẹp dọc thẳng qua da	Ốc khóa trong	7570955	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vận đủ lực. - Tổng chiều dài của vít khóa trong bao gồm phần bề vít: 10.38mm - Đường kính: 8.883mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0mm - Chiều dài của phần vít khóa trong không bao gồm phần bề vít: 4.65mm - Tương thích với vít cột sống thắt lưng đa trục rỗng nòng công nghệ MAST và nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	46	1.500.000	69.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
98.4	PP26000 17321	Vít đốt sống đa trục rỗng nông	Vít đốt sống đa trục rỗng nông	757xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Vít thiết kế rỗng nông. - Đường kính: 5.5, 6.5 và 7.5mm. - Dài từ 30mm đến 50mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.75mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Dùng trong kỹ thuật mổ MAST (Minimal Access Spinal Technologies) - Tương thích với hệ thống định vị phẫu thuật NAVIGATION và hệ thống theo dõi thần kinh trong mổ - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 5.5mm và ốc khóa trong tự gây có chiều dài ban đầu là 10.38mm, chiều dài sau khi vận đủ lực là 4.65mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	40	7.000.000	280.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99	PP26000 17322	Hệ thống nẹp vít phẫu thuật cổ sau, chăm cổ												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99.1	PP26000 17322	Nẹp chăm cổ uốn sẵn	Nẹp chăm cổ uốn sẵn	6900280	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedics, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	-Vật liệu: hợp kim Titanium - Đường kính 3.2mm - Dài 200mm - Thiết kế uốn sẵn tại vùng chăm - Đường kính vùng uốn 3.6mm - Đồng bộ với vít chăm cổ đường kính 4.0 mm và 4.5 mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	1	7.500.000	7.500.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
99.2	PP26000 17322	Nẹp dọc cổ sau	Nẹp dọc cổ sau	6900240	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Dài 240mm, - Đường kính: 3.2mm. - Đồng bộ với vít xóp cột sống cổ lồng sau đa trục cổ sau và vít khóa trong có lồng phía trong lục giác 2.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	4	1.000.000	4.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99.3	PP26000 17322	Vít chằm	Vít chằm/Vít chằm đầu thuôn	6955xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Đường kính: 4.0 mm và 4.5 mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 1.0mm - Chiều dài vít từ 6-12mm - Vít ren xương cứng, đồng bộ với nẹp chằm cổ sau - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	12	4.000.000	48.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99.4	PP26000 17322	Vít đa trục cột sống cổ lồng sau	Vít đa trục cột sống cổ lồng sau	6958xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Vít tự tarô. - Chiều cao mũ vít: 10.8mm - Chiều rộng phần mũ vít vuông góc với thanh dọc là 8.5mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 1.48mm - Đường kính vít 3.5, 4.0, 4.5 mm - Chiều dài vít từ 10 mm đến 52 mm, bước tăng 2mm - Tương thích với hệ thống rod 3.2mm và 3.5mm - Góc nghiêng tối đa 45 độ. - Có 03 rãnh bù góc để tăng độ linh hoạt của vít - Có thể phân biệt kích thước vít và chiều dài bằng màu sắc - Đồng bộ với vít khóa trong cổ sau có lồng phía trong hình lục giác 2.5mm và nẹp dọc đường kính 3.2mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	16	5.000.000	80.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
99.5	PP26000 17322	Ốc khóa trong dùng cho vít đa trục cột sống cổ sau	Ốc khóa trong dùng cho vít đa trục cột sống cổ sau	6950315	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Thiết kế ren chịu lực, giúp cải thiện độ siết ốc - Đường kính: 5.92mm - Chiều cao 3.63mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren: 0.8mm - Tối ưu hóa vị trí và quan sát của phẫu thuật viên - Lòng phía trong hình lục giác 2.5mm - Đồng bộ với vít xỏ đa trục cổ sau và nẹp dọc đường kính 3.2mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	16	1.000.000	16.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99.6	PP26000 17322	Thân đốt sống nhân tạo	Thân đốt sống nhân tạo/ Thân đốt sống nhân tạo hình trụ tròn	905-133	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Titanium - Đường kính: 13mm - Dài 30mm - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	3	7.000.000	21.000.000	-	N06.04.020	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
99.7	PP26000 17322	Thân đốt sống nhân tạo	Thân đốt sống nhân tạo dạng lồng	905-xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Titanium - Đường kính: 13mm, dài 70mm - Đường kính: 16mm, dài 60mm - Dạng hình trụ tròn có mắt lưới hình tam giác. - Dùng để đặt và thay thân sống - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	3	14.500.000	43.500.000	-	N06.04.020	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
###	PP26000 17323	Hệ thống nẹp vít phẫu thuật bệnh lý cột sống cổ trước															CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
100.1	PP26000 17323	Miếng ghép đĩa đệm cổ	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống cổ	621xxxx	2025 trở về sau	Đức	Medtronic Sofamor Danek Deggendorf GmbH	- Vật liệu: PEEK OPTIMA - Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cân quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 14mm, 16mm - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8 và 9mm - Chiều sâu: 11, 14mm - Độ uốn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE	1 cái/hộp	Cái	10	11.000.000	110.000.000	-	N06.04.020	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
100.2	PP26000 17323	Nẹp cổ trước 1 tầng	Nẹp cổ trước 1 tầng	7200xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19mm đến khoảng 30mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm hoặc 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Cho phép bắt vít với đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	8	9.000.000	72.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
100.3	PP26000 17323	Nẹp cổ trước 2 tầng	Nẹp cổ trước 2 tầng	7200xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ khoảng 32.5mm đến 50mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	4	13.000.000	52.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
100.4	PP26000 17323	Nẹp cổ trước 3 tầng	Nẹp cổ trước 3 tầng	7200xxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Warsaw Orthopedic, Inc. (also known as Medtronic Sofamor Danek Manufacturing)	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 52.5 đến 72.5mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro/ tự khoan đường kính 4.0mm và 4.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	3	15.000.000	45.000.000	-	N07.06.040.3 059.175.0073	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
###	PP26000 17324	Hệ thống nẹp vít ngực, thắt lưng qua da - Đường kính: ≤ 4.75 mm												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
101.1	PP26000 17324	Vít đa trục rỗng nông qua da	Vít đa trục rỗng nông qua da	5485001xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Mũi vít vật liệu Colbalt Chrome với vòng vương miện Titanium - Thân vít vật liệu hợp kim Titanium - Vít rỗng nông - Vít có hai bước ren để tăng cố định vào xương, phù hợp cho vùng xương xốp và vùng xương cứng - Phần bẻ của mũi vít cho phép nắn chỉnh trượt lên tới 13.8mm - Vít đi với hệ thống rod 4.75 - Có nhiều loại đường kính khác nhau: từ 4.5mm - 8.5mm, bước tăng 1mm - Chiều dài vít từ 35mm - 80mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với nẹp dọc qua da đường kính 4.75mm và ốc khóa trong qua da tự gậy có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO, FDA	1 cái/gói	Cái	44	10.800.000	475.200.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
101.2	PP26000 17324	Ốc khóa trong cho nẹp dọc	Ốc khóa trong	6440530	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Sofamor Danek Manufacturing	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Khoảng cách giữa hai bước ren 0.9mm - Đường kính ren 7.863mm - Chiều cao sau khi bẻ mũi vít khóa trong 4.85mm - Chiều cao ban đầu trước khi bẻ mũi vít khóa trong: 10.38mm - Tự gậy khi vận đủ lực - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng nông qua da và nẹp dọc qua da uốn sẵn 4.75mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO, FDA	1 cái/gói	Cái	44	1.500.000	66.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
101.3	PP26000 17324	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	Nẹp dọc uốn sẵn qua da cột sống ngực lưng hợp kim Cobalt Chrome	64100xxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Sofamor Danek Manufacturing	- Vật liệu: Cobalt Chrome - Đường kính: 4.75 mm - Uốn sẵn - Chiều dài từ 30mm - 90mm với bước tăng 5mm - Đồng bộ với vít cột sống ngực/thắt lưng đa trục rỗng lồng qua da và ốc khóa trong qua da tự gây có chiều cao ban đầu là 10.38mm, chiều cao sau khi vận đủ lực là 4.85mm (không tính phần khuyết của vít khóa trong) - Đạt tiêu chuẩn: ISO, FDA	1 cái/gói	Cái	26	5.500.000	143.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
###	PP26000 17325	Bộ Vis Cột sống Lưng Thắt Lưng đóng gói tiệt trùng sẵn															CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TUỒNG
102.1	PP26000 17325	Vít đa trục cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Vít đa trục cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0102-4525S -> GS0102-7560S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít có 2 kiểu ren: ren dành cho vỏ xương và ren dành cho xương xốp - Góc xoay 40 độ (xoay mỗi bên 20 độ) - Thiết diện tiếp xúc nhỏ - Kích thước: + Đường kính: 4.5-7.5mm bước tăng 1mm + Dài 25-60mm bước tăng 5mm - Đóng gói tiệt trùng	Hộp/cái	Cái	40	3.950.000	158.000.000	N07.06.040.229 9.174.0020		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TUỒNG
102.2	PP26000 17325	Vít khóa trong cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Vít khóa trong cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0104-0010S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Hình ngôi sao - Kích cỡ: + Chiều cao (H): 5.3mm + Đường kính ngoài (O.D): 10mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren - Đóng gói tiệt trùng	Bịch/cái	Cái	40	550.000	22.000.000	N07.06.040.2299. 174.0021		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TUỒNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
102.3	PP2600017325	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS 50-90mm đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0150-0050S -> GS0150-0090S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích cỡ: + Đường kính: 6.0mm + Dài 50-90mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren - Đóng gói tiệt trùng	Bịch/cái	Cái	16	1.500.000	24.000.000	N07.06.040.2299.174.0022		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
102.4	PP2600017325	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS 400mm đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0150-0400S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích cỡ: + Đường kính: 6.0mm + Dài 400mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren - Đóng gói tiệt trùng	Bịch/cái	Cái	6	4.500.000	27.000.000	N07.06.040.2299.174.0022		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
102.5	PP2600017325	Nẹp nối ngang cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Nẹp nối ngang cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0120-0035S -> GS0120-0050S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Chiều dài có thể tự điều chỉnh - Kích cỡ: dài 35, 38, 42, 50mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren - Đóng gói tiệt trùng	Bịch/cái	Cái	4	4.500.000	18.000.000	N07.06.040.2299.174.0023		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
102.6	PP26000 17325	Vít đa trục đuôi dài (nắn trượt) cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	Vít đa trục đuôi dài (nắn trượt) cột sống thắt lưng GSS đóng gói tiệt trùng sẵn chính hãng	GS0122-4525S -> GS0122-7560S	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít có 2 kiểu ren: ren dành cho vỏ xương và ren dành cho xương xốp - Góc xoay 40 độ (xoay mỗi bên 20 độ) - Thiết diện tiếp xúc nhỏ - Kích thước: + Đường kính: 4.5-7.5mm bước tăng 1mm + Dài 20-60mm bước tăng 5mm - Đóng gói tiệt trùng	Hộp/ cái	Cái	18	4.750.000	85.500.000	N07.06.040.2299.174.0018		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
###	PP26000 17326	Bộ Vis Cột sống lưng															CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.1	PP26000 17326	Vít đa trục cột sống thắt lưng	Vít đa trục cột sống thắt lưng GSS	GS0102-4520 -> GS0102-7560	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít có 2 kiểu ren: ren dành cho vỏ xương và ren dành cho xương xốp - Góc xoay 40 độ (xoay mỗi bên 20 độ) - Thiết diện tiếp xúc nhỏ - Kích thước: + Đường kính: 4.5-7.5mm bước tăng 1mm + Dài 20-60mm bước tăng 5mm	Bịch/ cái	Cái	60	3.050.000	183.000.000	N07.06.040.2299.174.0029		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.2	PP26000 17326	Vít khóa trong cột sống thắt lưng GSS	Vít khóa trong cột sống thắt lưng GSS	GS0104-0010	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Hình ngôi sao - Kích cỡ: + Chiều cao (H): 5.3mm + Đường kính ngoài (O.D): 10mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren	Bịch/ cái	Cái	60	400.000	24.000.000	N07.06.040.2299.174.0028		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.3	PP26000 17326	Nẹp dọc cột sống thắt lưng 50-90mm	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS	GS0150-0050 -> GS0150-0090	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích cỡ: + Đường kính: 6.0mm + Dài 50-90mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren	Bịch/ cái	Cái	14	600.000	8.400.000	N07.06.040.2299.174.0026		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
103.4	PP26000 17326	Nẹp dọc cột sống thắt lưng 400mm	Nẹp dọc cột sống thắt lưng GSS	GS0150-0400	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Kích cỡ: + Đường kính: 6.0mm + Dài 400mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren	Bịch/ cái	Cái	5	3.050.000	15.250.000	N07.06.040.2299.174.0026		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.5	PP26000 17326	Nẹp nối ngang cột sống thắt lưng	Nẹp nối ngang cột sống thắt lưng GSS	GS0120-0035 -> GS0120-0050	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Chiều dài có thể tự điều chỉnh - Kích cỡ: dài 35, 38, 42, 50mm - Tương thích với vít có 2 kiểu ren	Bịch/ cái	Cái	5	3.700.000	18.500.000	N07.06.040.2299.174.0027		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.6	PP26000 17326	Đĩa đệm cột sống lưng lồi bên	Đĩa đệm cột sống lưng lồi bên AnyPlus TLIF	1114-0707 -> 1114-0716	Năm 2025 trở về sau	Hàn Quốc	GS Medical Co., Ltd.	- Vật liệu: PEEK - Hình dáng đĩa đệm cong - Có 2 khoang lớn chứa xương - Có 3 điểm đánh dấu bằng titanium - Kích cỡ: + Chiều cao: 7-16mm + Chiều dài: 28mm + Chiều rộng: 9mm + Độ nghiêng: 7 độ - Đóng gói tiệt trùng	Hộp/ cái	Cái	5	10.450.000	52.250.000	N06.04.020.2299.174.0001		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG
103.7	PP26000 17326	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống thắt lưng lồi bên	Đĩa đệm trong phẫu thuật cột sống thắt lưng JULIET TL lồi bên	DYN-TL 04 08-S -> DYN-TL 04 14-S	Năm 2025 trở về sau	Thụy Sĩ	Spineart SA	- Vật liệu: PEEK - Có 2 điểm đánh dấu bằng tantalum - Khoảng cách từ thành phía trước đến điểm đánh dấu: 2mm, khoảng cách từ thành phía sau đến điểm đánh dấu: 5mm - Độ sâu răng cưa: 0.7mm - Bên trong có khoang chứa xương - Kích cỡ: + Chiều dài: 28mm + Chiều rộng: 11mm + Chiều cao: 8-14mm bước tăng 2mm + Độ ưỡn: 4 độ - Đóng gói tiệt trùng	Hộp/ cái	Cái	4	11.500.000	46.000.000	N06.04.020.3928.274.0007		9021	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT VIỆT TƯỜNG

ST T	Mã phần (l6)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
###	PP26000 17327	Bộ nội soi một công											-				CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
104. 1	PP26000 17327	Đầu đốt điện cực RF, dùng trong nội soi 1 công	Đầu đốt điện cực bằng sóng RF	TSR-360	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Techcord Co., Ltd	Đầu đốt điện cực Bipolar RF sử dụng trong phẫu thuật nội soi cột sống. Đầu đốt là loại đầu tròn, đường kính 1.95 mm. Lớp vỏ điện cực có đường kính ngoài 2.5 mm, chiều dài 360 mm, làm bằng PTFE. Chiều dài đoạn tay cầm thao tác là 138.3 mm. Phần đầu nối tay cầm và đầu nối với hệ thống máy đốt điện cực làm bằng vật liệu thép 304 Stainless steel. Tay cầm làm bằng chất liệu ABS.	1 cái/ túi	Cái	8	21.500.000	172.000.000	-	N05.03.040	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
104. 2	PP26000 17327	Mũi khoan mài xương, loại mũi kim cương, dùng trong nội soi 1 công	Dụng cụ khoan mài xương	TSS2830D, TSS2850D, TSL2840D, TSN2830D, TSN2850D, TSS2840D, TSL2830D, TSL2850D, TSN2840D	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Techcord Co., Ltd	Mũi khoan đầu kim cương. Đầu mũi khoan làm bằng vật liệu Carbon, có đường kính làm việc: 3mm, 4mm, 5 mm, Ống bao ngoài mũi khoan làm bằng vật liệu thép không rỉ. Chiều dài làm việc của mũi khoan 3mm là 225 mm, 4mm và 5mm là 230mm. Có thể dùng tương thích với các loại máy như Stryker, Linvatec hoặc Smith&Nephew. Vỏ bên ngoài của phần kết nối với tay khoan (outer hub) được làm bằng Polycarbonate. Bên trong của phần kết nối (inner hub) được làm bằng vật liệu Polycarbonate. Phần kết nối có gắn vòng đệm Silicone elastomer giúp cách điện, giảm rung, tăng độ bám, dễ thao tác và cách điện.	1 cái/ túi	Cái	8	13.500.000	108.000.000	-	N08.00.330	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
104. 3	PP26000 17327	Mũi khoan mài xương, loại mũi đầu tròn, dùng trong nội soi 1 công	Dụng cụ khoan mài xương	TSS2830C, TSS2850C, TSL2840C, TSL2850C, TSN2830C, TSN2850C, TSS2840C, TSL2830C, TSN2840C	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Techcord Co., Ltd	Mũi khoan đầu tròn. Đầu mũi khoan làm bằng vật liệu Carbon, có đường kính làm việc: 3mm, 4mm, 5 mm. Chiều dài làm việc của mũi khoan 3mm là 225 mm, 4mm và 5mm là 230mm. Có thể dùng với máy khoan của Stryker, Linvatec, Smith & Nephew. Ống bao ngoài mũi khoan làm bằng vật liệu thép không rỉ. Vỏ bên ngoài của phần kết nối với tay khoan (outer hub) được làm bằng Polycarbonate. Bên trong của phần kết nối (inner hub) được làm bằng vật liệu Polycarbonate. Phần kết nối có gắn vòng đệm Silicone elastomer giúp cách điện, giảm rung, tăng độ bám, dễ thao tác và cách điện.	1 cái/ túi	Cái	8	13.500.000	108.000.000	-	N08.00.330	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
104. 4	PP26000 17327	Bộ dây hút rửa trong phẫu thuật nội soi	Dây bơm nước	Tube for pump	2025 trở về sau	Trung Quốc	Tonglu Jingrui Medical Devices Co., Ltd	Dây nước dùng trong phẫu thuật nội soi. Vật liệu làm bằng PVC. Bộ phận dây nối với đoạn bơm có chiều dài 172 ± 20mm, đường kính ngoài 11 ± 0.3 mm, đường kính trong 7.5 ± 0.3 mm. Tổng chiều dài 4172 ± 220mm, có modul cảm biến có lớp vỏ bảo vệ bên ngoài modul.	1 cái/ túi	Cái	8	1.664.000	13.312.000	-	N07.06.080	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
###	PP26000 17328	Bộ nẹp vít bơm xi măng loãng xương cột sống ngực lưng												-			CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
105.1	PP26000 17328	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	558400xxxxx	2025 trở về sau	Hoa Kỳ	Medtronic Puerto Rico Operations, Co.	- Vật liệu: hợp kim Titanium với mũ vít bằng hợp kim Cobalt Chrome, vòng vương miện bằng Titanium - Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xốp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và vùng ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít - Có 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định tức thời với những trường hợp có chất lượng xương kém - Tổng chiều cao mũ vít: 17.04mm - Đường kính vít từ 4.5-9.5mm với bước tăng 1mm - Chiều dài từ 30-80mm - Đồng bộ với ốc khoá trong tự gãy có tổng chiều cao 13.5mm và nẹp dọc đường kính 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CFS	1 cái/gói	Cái	16	10.100.000	161.600.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
105.2	PP26000 17328	Ốc khoá trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren (cho đa trục rỗng nòng bơm xi măng)	Ốc khoá trong cho vít đơn trục, đa trục hai bước ren	5540030	2025 trở về sau	Costa Rica	Medtronic Medical Costa Rica S.R.L.	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược giúp tối đa tiếp xúc giữa ren của ốc khoá trong với đầu mũ vít, tự gãy khi vận đủ lực - Vít có đặc tính với đầu tù giảm khả năng bắt lệch trục từ điểm đầu tới mũ vít - Đường kính: 8.863mm - Khoảng cách giữa hai bước ren: 1.0mm - Tổng chiều cao: 13.5mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục 2 bước ren và nẹp dọc 5.5mm - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/gói	Cái	16	2.000.000	32.000.000	-	N07.06.040	9021	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
105.3	PP26000 17328	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống	Kim chọc đưa xi măng vào đốt sống F04B	F04B	2025 trở về sau	Mexico	Medtronic Mexico S. de R.L. de CV	- Kim chọc đưa xi măng: - Vật liệu: Thép 304 và nhựa - Dùng để đưa xi măng vào thân sống, tránh trào ngược. - Bao gồm: 01 ống rỗng nòng đường kính 8 gauge (4.191mm) và 01 kim chọc đẩy xi măng có vạch chia dung tích - Dung tích 1.5cc - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 cái/hộp	Cái	16	1.800.000	28.800.000	-	N07.06.030	9018	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
105.4	PP26000 17328	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	C01A	2025 trở về sau	Ý	Tecres S.p.A	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% và 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cân quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, FDA	1 gói/hộp	Gói	10	6.000.000	60.000.000	-	N07.06.030	3006	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRANG THIẾT BỊ Y TẾ
###	PP26000 17329	Bộ nội soi hai lỗ												-			CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
106.1	PP26000 17329	Đầu đốt điện cực RF, dùng trong nội soi 2 cổng	Đầu đốt điện cực bằng sóng RF	TSR-150	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Techcord Co., Ltd	Đầu đốt điện cực Bipolar RF sử dụng trong phẫu thuật nội soi cột sống. Phần đầu nối tay cầm và đầu nối với hệ thống máy đốt điện cực làm bằng vật liệu thép 304 Stainless steel. Tay cầm làm bằng chất liệu ABS. Đầu đốt là loại đầu tròn, đường kính 1.95 mm. Lớp vỏ điện cực có đường kính ngoài 2.5 mm, chiều dài 150 mm, làm bằng PTFE. Chiều dài đoạn tay cầm thao tác là 138.3 mm.	1 cái/túi	Cái	14	14.490.000	202.860.000	-	N05.03.040	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
106.2	PP26000 17329	Đầu đốt điện cực Plasma, dùng trong nội soi 2 cổng, loại đường kính 4.0mm	Đầu đốt Plasma	PLA408	2025 trở về sau	Trung Quốc	Chengdu Mechan Electronic Technology Co., Ltd	Đầu đốt bằng sóng Plasma sử dụng trong phẫu thuật nội soi cột sống. Đầu đốt với góc 90 độ. Chiều dài làm việc 135 mm. Đường kính 4.0 mm giúp hiệu quả trong việc cắt đốt và cầm máu. Tiệt trùng.	1 cái/hộp	Cái	14	11.502.500	161.035.000	-	N05.03.040	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN

ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
106.3	PP26000 17329	Đầu đốt điện cực Plasma, dùng trong nội soi 2 công, loại đường kính 3.2mm	Đầu đốt plasma dùng trong nội soi cột sống	TP19040AS, TP25090AS	2025 trở về sau	Hàn Quốc	Techcord Co., Ltd	Đầu đốt bằng sóng Plasma sử dụng trong phẫu thuật nội soi cột sống. Góc cong 90 độ. 2 loại chiều dài làm việc là 135mm, 250 mm. Đường kính 3.2 mm giúp hiệu quả trong việc cắt đốt và cầm máu. Đóng gói tiết trùng.	1 cái/hộp	Cái	15	15.750.000	236.250.000	-	N05.03.040	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN
106.4	PP26000 17329	Mũi khoan xương, loại mũi kim cương, dùng trong nội soi 2 công	Mũi khoan xương	SE102-8DM30, SE102-8DM40, SE102-8DM50, SE102-8DM60, SE102-8DL30, SE102-8DL40, SE102-8DL50, SE102-8DL60	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo HICREN Biotechnology Co., Ltd	Mũi khoan đầu kim cương dùng trong nội soi cột sống 2 công. Đường kính lưỡi mài: từ 3mm - 6mm. Chiều dài lưỡi mài ≥ 125mm Đóng gói tiết trùng	1 cái/hộp	Cái	12	7.512.500	90.150.000	-	N08.00.330	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THỤY AN



ST T	Mã phần (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
106.5	PP26000 17329	Mũi khoan xương, loại mũi đầu tròn, dùng trong nội soi 2 công	Mũi khoan xương	SE102-8CL30, SE102-8CL40, SE102-8CL50, SE102-8CL60	2025 trở về sau	Trung Quốc	Ningbo HICREN Biotechnology Co., Ltd	Mũi khoan đầu tròn dùng trong nội soi cột sống 2 công. Đường kính mũi mài: từ 3mm - 6mm. Chiều dài mũi mài 145mm Đóng gói tiết trùng	1 cái/hộp	Cái	12	7.512.500	90.150.000	-	N08.00.330	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THUY AN
106.6	PP26000 17329	Bộ dây hút rửa trong phẫu thuật nội soi	Dây bơm nước	Tube for pump	2025 trở về sau	Trung Quốc	Tonglu Jingrui Medical Devices Co., Ltd	Dây nước dùng trong phẫu thuật nội soi. Vật liệu làm bằng PVC. Bộ phận dây nối với đoạn bơm có chiều dài 172 ± 20 mm, đường kính ngoài (OD) 11 ± 0.3 mm, đường kính trong (ID) 7.5 ± 0.3 mm. Tổng chiều dài 4172 ± 220 mm, có modul cảm biến có lớp vỏ bảo vệ bên ngoài modul.	1 cái/túi	Cái	12	1.664.000	19.968.000	-	N07.06.080	9018 9090	CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ SINH HỌC THUY AN

ST T	Mã phân (lô)	Danh mục hàng hóa	Tên thương mại	Ký mã hiệu, nhãn hiệu	Năm sản xuất	Nước sản xuất	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) VNĐ	Mã vật tư theo QĐ số 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021 hoặc 2807/QĐ-BYT ngày 12/10/2022	Mã nhóm theo Thông tư 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017	Mã HS	Tên nhà thầu
107	PP26000 17330	Dây cưa sọ não	Dây cưa sọ não	11-016	Từ năm 2025 trở về sau	Pakistan	Gold Tier Mic	Dây cưa sọ não: - Được làm bằng thép không gỉ cao cấp. - Dây quấn sắc mảnh xoắn lại, có thể uốn cong dài từ 40 cm - 50 cm - Đường kính khoảng 1.4mm - Công dụng: sử dụng trong thủ thuật cưa cắt xương, phẫu thuật sọ não. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	10 cái/ túi	Cái	10	157.500	1.575.000	N05.03.050.482 9.234.0001		9018	CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ NGUYỄN PHÚ VNM
Tổng cộng: 107 khoản												69.421.855.000					
Sáu mươi chín tỷ, bốn trăm hai mươi một triệu, tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn																	



GIÁM ĐỐC

PGS TS Hoàng Thanh Tuyền

